

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

MÃ CHỨNG KHOÁN : PXS



VŨNG TÀU, NGÀY 16 THÁNG 06 NĂM 2025



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Thứ hai, ngày 16 tháng 6 năm 2025)

STT	DANH MỤC TÀI LIỆU
1	Chương trình Đại hội
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025
4	Báo cáo đánh giá của Thành viên Độc lập HĐQT năm 2024
5	Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025
6	Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025
7	Tờ trình quyết toán tiền lương, phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025
8	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024
-	<i>Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024</i>
9	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
10	Tờ trình về kiện toàn nhân sự Thành viên HĐQT, Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2025-2030
11	Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2025-2030

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI & LẮP MÁY DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 PVC-MS
Thứ hai, ngày 16 tháng 6 năm 2025

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
7h15 – 8h00	Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
8h00 – 8h40	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội đủ điều kiện để tiến hành;- Chào cờ, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội;- Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu;- Thông qua nội dung chương trình và quy chế tổ chức Đại hội.
8h40-10h30	<p>Các nội dung đưa ra thảo luận để xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025;2. Báo cáo đánh giá của Thành viên Độc lập HĐQT năm 2024;3. Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025;4. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025;5. Tờ trình quyết toán tiền lương, phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025;6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024;7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;8. Tờ trình kiện toàn lại nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.
10h30 – 11h00	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận và giải đáp câu hỏi của cổ đông.- Đại hội biểu quyết thông qua từng nội dung.
11h00 - 11h15	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội giải lao- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết/ bầu cử.
11h15 – 11h35	<ul style="list-style-type: none">- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung, kết quả kiểm phiếu.- Phát biểu của Đại diện cổ đông Công ty mẹ - Tổng công ty PetroCons.
11h35 – 11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
11h45	Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Vũng Tàu, ngày 06 tháng 06 năm 2025.

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

- Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”);
- Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ
CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

- Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự Đại hội (theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 616/2025-PXS/VSDC-ĐK do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam – VSDC chốt tại ngày 25/04/2025) có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan;
- Việc ủy quyền (nếu có) được thực hiện theo Điều 16 Điều lệ Công ty và theo mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội của Công ty ban hành;
- Cổ đông tham dự Đại hội có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều hành của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội.
- Chủ tọa đề cử nhân sự cùng tham gia Đoàn Chủ tịch để điều hành Đại hội, cử Ban Thư ký để lập biên bản, dự thảo nghị quyết và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn Chủ tịch. Đại hội sẽ thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội theo các quy định tại Điều lệ Công ty.



Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định thành lập để kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp, phát Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu họp cho cổ đông; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội bầu và thông qua. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục biểu quyết và cách thức bỏ phiếu, giám sát và thực hiện kiểm Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và lập báo cáo bằng văn bản thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký, đồng thời công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông dự họp:

- Các cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải xuất trình giấy tờ pháp lý cá nhân/ tổ chức như CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD (bản sao)/ Giấy ủy quyền (nếu có) cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và phải hoàn tất việc đăng ký trước khi tham dự Đại hội.
- Sau khi kiểm tra tư cách hợp lệ của cổ đông dự họp, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cung cấp cho cổ đông Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và tài liệu Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, tuy nhiên, Đoàn Chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ cổ đông và hiệu lực của các nội dung đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Nội quy của Đại hội:

Cổ đông và các bên tham dự Đại hội được yêu cầu: ăn mặc lịch sự, tuân thủ sự sắp xếp của Ban tổ chức, không hút thuốc lá (trừ các khu vực được phép); tắt chuông điện thoại di động hoặc để chế độ rung; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội; thực hiện nghiêm túc các quy định khác của Ban tổ chức liên quan đến việc tham dự Đại hội.

Điều 8. Khai mạc và điều hành Đại hội:

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Đại hội được tiến hành sau khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Đoàn Chủ tịch sẽ điều hành để Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội.
- Khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận và được sự đồng ý của Chủ tọa, cổ đông phát

biểu ngắn gọn, tập trung vào những vấn đề trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã thông qua, không phát biểu lại các nội dung đã được cổ đông khác phát biểu trước để tránh trùng lặp. Đoàn Chủ tịch sẽ tiến hành giải đáp và trả lời, trường hợp giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản nếu có yêu cầu của cổ đông.

Điều 9. Cách thức biểu quyết tại Đại hội:

- Theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ/ Phiếu biểu quyết để lấy ý kiến biểu quyết đối với từng nội dung: “*Tán thành*” hoặc “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*”.

- Thẻ/ Phiếu biểu quyết được in theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo. Trên Thẻ/ Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin cổ đông và số quyền biểu quyết của cổ đông đó. Cứ 01 cổ phần sở hữu/ đại diện tương đương với 01 quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết, trong đó:

- + 01 Thẻ biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung gồm: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử, Biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội và các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa;

- + 01 Phiếu biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo/ Tờ trình tại Đại hội. Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 03 ô trống thể hiện việc “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” và “*Không có ý kiến*”. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/ thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử của Đại hội.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

- Việc thông qua nghị quyết của Đại hội sẽ căn cứ vào kết quả biểu quyết đối với từng nội dung và quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- + Quyết nghị của Đại hội về: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **từ 60%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- + Quyết nghị của Đại hội về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Diễn tiến Đại hội được ghi Biên bản và/ hoặc theo hình thức hợp pháp khác. Biên bản được lập bằng Tiếng Việt/ Tiếng Anh với đầy đủ nội dung theo quy định và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được hoàn thành và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông dự họp và tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực áp dụng:

Quy chế này gồm 05 Chương 11 Điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực áp dụng ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí biểu quyết thông qua.


Vũ Minh Công

CP ★ AU ★

Vũng Tàu, ngày 21 tháng 04 năm 2025.

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2024 là năm PVC-MS quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thách thức để hoàn thành các mục tiêu đề ra. Để đạt được điều này, ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động triển khai thực hiện các dự án: Dự án Topside Đại Hùng phase 3, Dự án Chân đế Điện gió, Dự án Xử lý nước thải Long Sơn đã và các dự án của các khách hàng Alpha, FOCUS, POSCO, T.D.T, ... theo đúng kế hoạch và đều hoàn thành đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ. Bên cạnh đó, việc hợp tác khai thác diện tích trống tại Bãi cảng 23ha Sao Mai Bến Đình cũng đã được triển khai thực hiện với các khách hàng như: PTSC, PTSC M&C, Alpha. Vì vậy, các chỉ tiêu kinh tế được giao đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức, làm tiền đề cho các hoạt động SXKD của đơn vị trong năm 2025 và cho các năm tiếp theo.

Ngoài việc thi công các dự án, công tác tiếp thị đấu thầu cũng được Công ty đẩy mạnh, tích cực tìm kiếm khách hàng để tìm nguồn công việc mới bổ sung cho hoạt động SXKD. Qua đó, Công ty đã ký kết các Hợp đồng Chế tạo Topside Lô B dự án Phú Quốc, Chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng với Tổng thầu PTSC M&C vào đầu tháng 8/2024, và dự án P15 với Tổng thầu Vietsovpetro (VSP) vào cuối tháng 9/2024.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2024

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết số 71/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2024, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD, kết quả các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

Đvt: Tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2023	Năm 2024		Tỷ lệ TH/KH 2024	Tỷ lệ TH 2024/2023 (%)
			KH ĐHĐCĐ giao	Thực hiện		
1	Giá trị sản lượng	408,51	542,00	543,04	100,19%	132,9%
2	Doanh thu	417,74	547,00	579,63	105,97%	138,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	(159,01)	10,16	10,67	105,02%	
4	Lợi nhuận sau thuế	(159,01)	10,16	9,95	97,93%	
5	Nộp NSNN	14,49	11,40	24,60	215,79%	169,8%

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2024 là 543,04 tỷ đồng, đạt 100,19% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, bằng 132,9% so với năm 2023;

- Doanh thu thực hiện năm 2024 là 579,63 tỷ đồng, đạt 105,97% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, bằng 138,7% so với năm 2023;
- Lợi nhuận trước thuế: 10,67 tỷ đồng, đạt 105,02% kế hoạch ĐHĐCĐ giao;
- Nộp ngân sách Nhà nước: 24,60 tỷ đồng, đạt 215,79% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, bằng 169,8% so với năm 2023.

(Chi tiết kết quả thực hiện SXKD năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo của Ban Giám đốc và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của đơn vị).

2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024

2.1 Về công tác chỉ đạo chung:

- Năm 2024, Hội đồng quản trị tập trung giám sát Ban điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, chỉ thị, nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ; Giám sát tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Công ty mẹ - là đơn vị chủ sở hữu phần vốn chi phối.
- Giám sát các hoạt động của Công ty nhằm thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của Tổng công ty và Pháp luật hiện hành.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tổ chức nhiều cuộc họp mở rộng với Ban điều hành, các Phòng/ Ban Dự án để xem xét, giải quyết những tồn tại, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc kịp thời, đảm bảo công việc được xuyên suốt trong quá trình hoạt động.
- Cùng Ban điều hành tập trung chỉ đạo thi công tốt tại các công trình/ dự án: Topside Đại Hùng Phase 3, Điện gió Orsted. Các công trình đảm bảo thi công đạt chất lượng, an toàn và bàn giao cho Tổng thầu đúng tiến độ (DA Topside Đại Hùng phase 3 đã hạ thủy thành công vào ngày 28/5/2024; Dự án Điện gió Orsted: cơ bản đã hoàn thành, đạt 99,97% về tiến độ thực hiện, sẵn sàng bàn giao cho Tổng thầu để chuẩn bị mặt bằng thi công cho các dự án mới: Block B, Lạc Đà Vàng, P15) đã được Chủ đầu tư ghi nhận và đánh giá cao.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính từ đầu năm để quản lý và kiểm soát dòng tiền. nỗ lực cùng Ban điều hành tháo gỡ các khó khăn về tài chính, đặc biệt trong công tác thu hồi vốn tại các dự án và đã đạt được các kết quả tích cực, dòng tiền về theo kế hoạch đề ra. Song song đó, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định cũng như các Văn bản chỉ đạo, giám sát thường xuyên, yêu cầu Ban điều hành cập nhật, báo cáo hàng tháng/ quý cho từng dự án/ công trình. Để từ đó, luôn đảm bảo dòng tiền phục vụ thi công các dự án kịp thời, đúng tiến độ và chất lượng.
- Định hướng và cơ cấu lại danh mục tài sản để thực hiện các giải pháp liên quan đến công tác thu xếp vốn: HĐQT đã có chỉ đạo Ban điều hành trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng để thực hiện công tác thu xếp vốn phù hợp và hiệu quả. Bước đầu đạt được kết quả, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty và hiện vẫn đang tiếp tục thực hiện để đáp ứng dòng tiền phục vụ thi công các dự án mới.
- Cùng Ban điều hành nỗ lực trong công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm các công việc mới, đẩy mạnh hoạt động thương mại dịch vụ và mở rộng thị trường kinh doanh.

- Hội đồng quản trị luôn nỗ lực trong công tác đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, các tổ chức tín dụng, ngân hàng, cơ quan quản lý Nhà nước và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

- Trong năm, HĐQT đã xem xét, phê duyệt sửa đổi, ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và các quy định mới của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo tập trung và chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng cho các dự án mới như DKI, Lô B - Ô Môn, Lạc đà vàng: HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/ Quyết định về thành lập các BDH dự án, phê duyệt Dự toán chi phí, Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ban điều hành cũng như phân công nhiệm vụ cho Thành viên HĐQT theo dõi, chỉ đạo công tác thi công và các Dự án trên đã đi vào hoạt động, triển khai nhiệm vụ SXKD trong Quý 3, Quý 4.

- Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý.

- Chỉ đạo công tác tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh gọn bộ phận gián tiếp nhằm nâng cao hiệu quả và tiết giảm chi phí, đồng thời để phù hợp với tình hình mới, định hướng phát triển cũng như nhằm đáp ứng yêu cầu cho hoạt động SXKD và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

2.1. Về công tác quản lý sử dụng vốn:

- Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của PVC-MS là 600 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 126,61 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu giảm do lỗ lũy kế của các năm 2018, 2019 và do năm 2023 khó khăn về công việc, Công ty không có các dự án đủ lớn đáp ứng quy mô SXKD hiện tại và đủ để bù đắp các chi phí cố định hàng năm, đặc biệt là chi phí khấu hao lớn về cơ sở vật chất Bãi cảng, máy móc thiết bị.

- Về các khoản đầu tư góp vốn trước đây, như phần vốn góp 5 tỷ đồng, tương đương 2,63% vốn điều lệ tại Công ty CP Khách sạn Lam Kinh từ năm 2011, đến nay PVC-MS vẫn chưa tìm được đối tác để nhận chuyển nhượng, khoản vốn góp này đã được trích lập dự phòng 100% trong năm 2019; Đối với 5.000 cổ phần, tương đương 50 triệu đồng vốn góp của PVC-MS tại PV-PIPE, Công ty tiếp tục giữ nguyên vốn đầu tư theo cam kết.

2.2. Về công tác đầu tư:

Năm 2024, PVC-MS không thực hiện công tác đầu tư mà chỉ tập trung các công tác tổ chức, sắp xếp lại mặt bằng bãi cảng, duy tu, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng ưu tiên và có chọn lọc đối với một số hạng mục công trình trên bãi cảng, máy móc thiết bị và thực hiện việc khôi phục lại năng lực cầu cảng đã bị xuống cấp, thi công nạo vét, duy tu khu nước trước bến cầu cảng chuyên dùng đảm bảo đủ điều kiện để thi công các công trình Offshore. Các chi phí khôi phục năng lực này sẽ được Công ty phân bổ dần vào các dự án sẽ triển khai trong thời gian tới trên Bãi cảng theo quy định.

2.3. Về công tác quan hệ cổ đông:

- Công tác quan hệ cổ đông luôn được HĐQT quan tâm chú trọng. Công ty tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với công ty niêm yết.

- Giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu PXS trong năm 2024 giảm theo tình hình chung của thị trường chứng khoán và do bị đưa vào diện kiểm soát, hạn chế giao dịch. Hiện cổ phiếu PXS đang giao dịch trên sàn UPCOM thuộc Sở GDCK Hà Nội.

2.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

Trong năm 2024, từng thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc, Chương trình hoạt động và phân công nhiệm vụ của HĐQT, cũng như các quy định khác của pháp luật có liên quan trong công tác quản lý hoạt động SXKD. Đồng thời, giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Giám đốc thông qua việc: Tham gia các hoạt động của HĐQT; Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp của Ban điều hành; Có ý kiến kịp thời để HĐQT ban hành các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.5. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp và thực hiện lấy 41 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT để thông qua 32 quyết định, 30 nghị quyết quan trọng và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các mặt hoạt động SXKD của Công ty;

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2024 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty số 12/BC-KCKL-HĐQT ngày 20/01/2025 gửi UBCKNN, SGDK Hà Nội (HNX) và được công bố thông tin trên website Công ty;

- Ngoài các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên trao đổi, giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc của HĐQT và việc thực hiện của Ban điều hành đối với các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động SXKD.

- Thống kê các cuộc họp của Thành viên HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT	6/7	86%	Bận công tác
2	Đinh Văn Hưng	TV HĐQT	7/7	100%	
3	Đinh Văn Tân	TV HĐQT	4/7	57%	Miễn nhiệm ngày 20/5/2024
4	Lim Hau Guan	TV HĐQT	2/7	29%	Công tác xa/Theo thỏa thuận hợp tác
5	Trần Vũ Phụng	TV HĐQT	3/7	43%	Bổ nhiệm ngày 20/5/2024
6	Trần Minh Ngọc	TV HĐQT độc lập	6/7	86%	Bận công tác

2.6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban giám đốc để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung nghị quyết, quyết định và văn bản của HĐQT ban hành.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban Giám đốc. Định kỳ hàng tháng, Ban Giám đốc tổ chức họp giao ban với các Phòng chức năng, Ban ĐHDA, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc để đánh giá kết quả thực hiện công việc trong

tháng và lên kế hoạch cho tháng tiếp theo. HĐQT đều tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp.

- Ban Giám đốc thường xuyên làm việc với các bộ phận để chỉ đạo điều hành sản xuất, giải quyết cơ bản kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.
- Ban Giám đốc đã triển khai các hoạt động SXKD tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, đặc biệt là những nỗ lực trong việc tìm kiếm và ký được hợp đồng các công trình/ dự án mới góp phần hoàn thành kế hoạch SXKD của năm.

2.7. Báo cáo thu nhập của các thành viên HĐQT trong năm 2024:

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua kế hoạch chi phí tiền lương, phụ cấp, thù lao của HĐQT và BKS là: 1.504.272.000 đồng, thực tế đã chi trong năm 2024 là: 1,532,978,000 đồng, bằng 101.91% KH năm (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

2.8. Báo cáo về các giao dịch của thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2024, có 01 thành viên HĐQT là Ông Vũ Minh Công đã mua 20.255 cổ phiếu PXS chiếm tỷ lệ 0,03%, những người có liên quan của thành viên HĐQT không có giao dịch nào với Công ty;

Công ty không có giao dịch nào với các Công ty mà thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.9. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2024:

- Thành viên HĐQT độc lập làm việc theo chế độ không thường xuyên.
- Thành viên HĐQT độc lập tham dự/ ủy quyền tham dự các buổi họp của Hội đồng quản trị, trả lời và gửi đầy đủ các Phiếu lấy ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của HĐQT.

3. Đánh giá chung:

3.1. Kết quả đạt được:

- Về kết quả SXKD: Năm 2024, tuy hoạt động SXKD vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao là nhờ vào sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) cùng sự đoàn kết, nỗ lực hết mình của cả tập thể lãnh đạo, CBNV, Người lao động PVC-MS đã đạt được những kết quả nhất định, hoàn thành và hạ thủy thành công Dự án Topside Đại Hùng Phase 3, hoàn thành dự án Chân đế Điện gió Orsted được các Chủ đầu tư, Tổng thầu hài lòng và đánh giá cao.

- Về công tác tiếp thị đấu thầu: Ngoài việc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược tiếp thị chào thầu các dự án trung và dài hạn, trong năm, Công ty đã trúng thầu các gói thầu thi công, như: Gói thầu “Cung cấp dịch vụ gia công chế tạo Topside, Dự án Block B-Gói 2” với giá trị khoảng 485 tỷ đồng; Gói thầu “Cung cấp dịch vụ gia công chế tạo Chân đế, Dự án Giàn LDV Block 15-1/05” với giá trị 143 tỷ; Gói thầu “Chế tạo khung dầm chịu lực, khối thượng tầng và cung cấp một số vật tư phụ cho công trình & chế

tạo chân đế, cọc, bến cập tàu, cầu dẫn và gia cố, chẳng buộc trên sà lan giàn P15 - Dự án sửa chữa, nâng cấp công trình P15” với giá trị 152 tỷ. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký được hợp đồng các gói thương mại về cung cấp vật tư, phụ kiện, gia công chế tạo, thi công xử lý nước thải Long Sơn của các khách hàng Alpha, FOCUS, POSCO, T.D.T, ... và kinh doanh khác thác cơ sở vật chất khác. Tuy vậy, nhìn chung công tác tiếp thị đấu thầu vẫn còn nhiều hạn chế, cần tiếp tục phải tập trung nâng cao chất lượng của đội ngũ đấu thầu, khai thác thông tin dự án khả thi trong và ngoài nước nhằm mang lại những hợp đồng có hiệu quả tốt, phù hợp với quy mô hoạt động SXKD của Công ty.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế:

- Công tác thu xếp tín dụng, dòng tiền hoạt động của Công ty để phục vụ công tác chào thầu, đấu thầu các dự án trước và sau khi trúng thầu chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của gói thầu/ dự án do những khó khăn về tài chính tồn tại đã lâu.
- Công tác quy hoạch, bố trí mặt bằng bãi cảng để phù hợp với tình hình và yêu cầu của các dự án mới chưa thể triển khai đồng bộ, toàn diện do năng lực tài chính chưa đủ và dự báo về nguồn việc trong tương lai còn gặp nhiều hạn chế, thiếu chắc chắn.
- Năng lực cạnh tranh còn thấp, chi phí cao dẫn đến hiệu quả thực hiện dự án không đạt được như mong muốn.
- Công nợ phải thu, phải trả khách hàng, chi phí tài chính vẫn còn rất lớn gây áp lực và khó khăn trong việc cân đối dòng tiền của Công ty.
- Hạn chế về năng lực: Tại thời điểm hiện tại, năng lực Công ty chưa đáp ứng để tham gia các dự án EPC trong ngành dầu khí với vai trò nhà thầu độc lập.

III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025:

1. Nhận định về năm 2025:

- *Về mặt thuận lợi:* Với lợi thế bãi cảng 23ha đã được đầu tư hệ thống nhà xưởng, bến bãi, cầu cảng và các thiết bị chuyên dùng đủ năng lực đáp ứng thi công các dự án/ công trình dầu khí và được các khách hàng như: VSP, PTSC, PTSC M&C, JOC, NOC, FOCUS, APHA-ECC,... đánh giá rất cao về năng lực thi công. Ngoài các dự án đang thi công chuyển tiếp từ năm 2024 như: Block B, Lạc đà vàng, P15, ... thì các dự án mới cũng nằm trong kế hoạch SXKD năm 2025 của đơn vị như: Đại Hùng nam, Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 4, Cừu Long, đảm nhiệm vai trò nhà thầu phụ cho các đơn vị mạnh như VSP, PTSC, PTSC M&C, ...

- *Về mặt khó khăn:* Với sự tham gia của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài cùng sự lớn mạnh, phát triển vượt bậc trong những năm gần đây của một số doanh nghiệp tư nhân trong nước có vốn đầu tư lớn làm cho thị trường xây lắp và gia công cơ khí ngày càng có xu thế giảm giá và cạnh tranh gay gắt về giá thành, dẫn đến giảm cơ hội trúng thầu và giảm quy mô, phạm vi gói thầu nếu được trao thầu. Bên cạnh đó, nhiều đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực xây lắp, do thiếu việc làm, vẫn phải chấp nhận rủi ro tham gia thực hiện để duy trì hoạt động sản xuất nên có sự cạnh tranh rất khốc liệt về giá.

2. Kế hoạch SXKD năm 2025:

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn trên, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	784,0	
2	Doanh thu	725,0	
3	Lợi nhuận trước thuế	12,2	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	22,5	
6	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia cổ tức	

3. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp, thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2025:

- Đối với thành viên HĐQT làm việc chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD và quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động – TBXH;

- Đối với thành viên HĐQT là cổ đông chiến lược Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd., thành viên độc lập được hưởng mức phụ cấp/thù lao: 10.000.000 đồng/tháng; Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức phụ cấp/thù lao: 12.000.000 đồng/tháng.

4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD xây dựng cho năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành, phấn đấu hoàn thành/ hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2025 đề ra.

- Tập trung thực hiện các dự án Topside Bloc B, Chân đế Lạc đà vàng, DKI, ... đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ để bàn giao cho Chủ đầu tư/ Tổng thầu đúng cam kết.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm các công việc mới, mở rộng thị trường kinh doanh với các đối tác nước ngoài như: Đài Loan, Ấn Độ, Na Uy và các dự án trong nước như: Chuỗi dự án Lô B - Ô môn, Đại Hùng Nam, Cừ Long; Tham gia chào thầu các hạng mục cơ khí, lắp đặt các dự án Nhà máy Nhiệt điện; Đảm nhiệm vai trò nhà thầu phụ cho các đơn vị mạnh như VSP, PTSC, PTSC M&C,...; Đồng thời, theo dõi và liên tục cập nhật tình hình các dự án/ gói thầu đang chờ kết quả để có phương án bổ sung/ thay thế kịp thời nguồn việc đảm bảo kế hoạch năm.

- Tập trung nhân lực để hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng dở dang, thu hồi công nợ tại các công trình/ dự án đã hoàn thành, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1, Dự án Topside Đại Hùng Phase 3, Dự án Điện gió Orsted,

- Tăng cường năng lực quản lý kỹ thuật, quản lý dự án, chuẩn bị các điều kiện nguồn lực tốt nhất sẵn sàng để triển khai thi công ngay khi trúng thầu các dự án mới.

- Tiếp tục tăng cường hợp tác chặt chẽ với các khách hàng VSP/ PTSC/ PTSC M&C/ POS/ FOCUS/ ALPHA-ECC/ MEPCOM để tiềm kiếm các cơ hội công việc.

- Lĩnh vực O&M, dịch vụ và logistic: Trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Bãi cảng chế tạo Kết cấu Kim loại và Thiết bị Dầu khí, phát triển dịch vụ bến cảng và kho bãi cho các đối tác trong và ngoài ngành, dịch vụ bốc dỡ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và các dịch vụ hậu cần cơ khí biển; Kết hợp công tác thương mại vật tư với

công tác dịch vụ cảng biển, kho bãi để thực hiện chuỗi logistic cung ứng cho khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu và các tỉnh lân cận; Xây dựng lực lượng, cơ sở kỹ thuật cùng các đối tác đã ký kết triển khai thành công và khẳng định năng lực bằng các hợp đồng cụ thể trong lĩnh vực O&M.

- Sắp xếp, quy hoạch để tối ưu, nâng cao hiệu quả khai thác Bãi cảng Sao Mai Bến Đình, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, tăng thu, bù đắp chi phí khấu hao.

- Rà soát, điều chỉnh, cập nhật đơn giá định mức nội bộ phù hợp với thị trường và tăng tính cạnh tranh trong công tác chào thầu.

- Chỉ đạo xây dựng phương án triển khai và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện của từng hợp đồng nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư/ Tổng thầu, đặc biệt là hiệu quả kinh tế, tránh vượt dự toán chi phí dự án trong quá trình thực hiện và khi thực hiện quyết toán công trình.

- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý; kiểm soát, giám sát chặt chẽ chi phí tại các công trình/ dự án, quản lý tốt dòng tiền hoạt động của Công ty để đạt hiệu quả sử dụng vốn tối ưu nhất.

- Nâng cao công tác quản trị, đảm bảo công tác điều hành hoạt động SXKD tuân thủ theo đúng quy trình, quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/ gói thầu/ hạng mục công việc. Chủ động đàm phán với Chủ đầu tư/ Tổng thầu về từng điều khoản thanh toán của hợp đồng/ dự án và các hạng mục ưu tiên triển khai đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn.

- Mở rộng quan hệ với các ngân hàng/ tổ chức tín dụng, tạo dựng uy tín với các bạn hàng, đối tác hướng tới mục tiêu đảm bảo tài chính, dòng tiền hoạt động của Công ty trong công tác chào giá, đấu thầu cũng như triển khai thực hiện dự án khi trúng thầu.

- Tái cơ cấu lại các khoản nợ, xây dựng kế hoạch, lộ trình trả nợ chi tiết phù hợp với tình hình tài chính của Công ty tránh các vấn đề liên quan đến pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty nhằm phục vụ tốt công tác quản trị tài chính của đơn vị.

- Tái cơ cấu lại danh mục tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ để nâng cao hiệu quả hoạt động; xem xét thanh lý những tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hư hỏng không thể khắc phục, vật tư dư thừa không sử dụng đến để bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất và tái đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện các công việc tiếp theo trong phương án tái cơ cấu đã được Công ty mẹ - Tổng công ty PetroCons phê duyệt; Cải tiến mô hình hoạt động nhằm linh hoạt và hiệu quả hơn; Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý điều hành, các bộ phận chuyên môn, đặc biệt bộ phận làm công tác kế hoạch, thiết kế kỹ thuật, tiếp thị đấu thầu; Thực hiện định biên nhân sự, tinh gọn bộ máy, sắp xếp bố trí lao động hợp lý để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Ổn định bộ máy tổ chức, xử lý các tồn tại, vướng mắc, duy trì lực lượng lao động cốt lõi, sử dụng tối ưu các nguồn lực hiện có. Xây dựng, phát triển cán bộ thiết kế, kỹ thuật giỏi, giàu kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ tiếp thị đấu thầu. Phát triển công tác đào tạo nội bộ, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho các loại thợ, công nhân kỹ thuật lành nghề và trẻ hóa lực lượng CNKT.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/ trong các quy chế, quy định và phù hợp với cơ cấu các phòng

chức năng, đơn vị sau khi tổ chức sắp xếp lại, cũng như phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tế hoạt động của Công ty.

- Ứng dụng một cách có hiệu quả các phần mềm khoa học công nghệ trong công tác quản trị điều hành, xử lý công việc, tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất; Cải tiến biện pháp, kỹ thuật thi công, tối ưu bộ định mức nội bộ để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến các ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán còn tồn tại trong Báo cáo tài chính các năm.

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành nhiệm vụ SXKD, đảm bảo lợi ích Công ty và quyền lợi của cổ đông. HĐQT sẽ có báo cáo kết quả thực hiện (nếu có) tại kỳ Đại hội gần nhất.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch phương hướng hoạt động năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông nghiên cứu, xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng công ty PetroCons (b/c);
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Vũ Minh Công

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 05 năm 2025.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Tôi tên là Trần Minh Ngọc, sinh ngày 20/05/1960, trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt điện.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) ngày 28/4/2023 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT và các công việc tôi đã thực trong năm 2024, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY

1. Về tổ chức các cuộc họp HĐQT năm 2024:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ, cẩn trọng.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, tổ chức, nhân sự, văn hóa doanh nghiệp, ... đều được thảo luận, thống nhất phù hợp tình hình thực tế và chiến lược phát triển ngắn, dài hạn của Công ty. Đồng thời, có sự phối hợp, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban giám đốc.

- Các cuộc họp về triển khai kế hoạch SXKD, thực hiện dự án và một số cuộc họp chuyên đề đều được bàn bạc, phân tích độc lập, góp ý và thống nhất trong HĐQT.

2. Về việc giám sát hoạt động Ban giám đốc:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, phù hợp với định hướng chiến lược, kịp thời điều chỉnh các quyết định khi có sự tác động, những biến động khác ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các Thành viên HĐQT được phân công theo dõi các lĩnh vực thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ, bất thường và chuyên đề với Ban điều hành. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động SXKD của Công ty cũng như cập nhật nhanh nhất các yêu cầu từ thực tế. Vậy nên, các quyết định của Ban giám đốc đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm đảm bảo thúc đẩy công việc, đồng thời đảm bảo lợi ích của Công ty.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề trong việc triển khai thi công các dự án và giúp Công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của cổ đông.

3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty:

- Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với giá trị sản lượng thực hiện năm 2024 là 543,04 tỷ đồng, doanh thu là 579,63 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 10,68 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao là một sự nỗ lực, cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động.

4. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người liên quan của người nội bộ với Công ty:

- Công ty đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT:

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và quy định Pháp luật.

- Đến thời điểm 31/12/2024, HĐQT có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập HĐQT, đầy đủ số lượng và cơ cấu theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của Công ty và lợi ích của cổ đông.

- HĐQT đã có các giải pháp hiệu quả, quyết định kịp thời để hỗ trợ Ban giám đốc trong quá trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

II. BÁO CÁO CÁC CÔNG VIỆC TÔI ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024.

1. Về chế độ làm việc:

- Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở PVC-MS và theo sự phân công nhiệm vụ của HĐQT.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trả đầy đủ ý kiến tại các Phiếu lấy ý kiến đúng thời hạn.

2. Về chế độ thù lao: Đến thời điểm hiện tại, PVC-MS thanh toán đầy đủ thù lao của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Nhiệm vụ thực hiện:

- Trong năm vừa qua, Tôi đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, thực hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chung của Thành viên HĐQT, Tôi còn được giao phụ trách trực tiếp các lĩnh vực sau:

+ Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành của Công ty trên cơ sở báo cáo định kỳ/ đột xuất của Giám đốc trình HĐQT.

+ Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo quy định.

+ Theo dõi, giám sát các lĩnh vực:

- Công tác xây dựng hệ thống định mức, đơn giá của Công ty;
- Công tác khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Công tác thi công xây lắp, triển khai các dự án của Công ty trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng.

+ Phối hợp, hỗ trợ công tác lập, triển khai chiến lược phát triển cũng như công tác tiếp thị, đấu thầu các dự án; công tác pháp chế, quy chế/ quy định của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng công ty PetroCons (b/c);
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Trần Minh Ngọc

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Dự thảo

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2025 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

1. Tình hình chung:

Năm 2024, chứng kiến sự phát triển đáng kể nhờ vào xu hướng chuyển dịch năng lượng và cam kết phát triển bền vững. Ngành dầu khí tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đặc biệt với các dự án khai thác ngoài khơi và mở rộng hạ tầng chế biến khí. Bên cạnh đó, năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió, đã đạt được những bước tiến lớn với sự hỗ trợ từ chính phủ và các khoản đầu tư nước ngoài. Các dự án lớn, như điện gió ngoài khơi và các trang trại điện mặt trời, đang được đẩy mạnh để đáp ứng mục tiêu giảm phát thải và nâng tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu năng lượng quốc gia. Không nằm ngoài xu thế đó, PVC-MS đã từng bước nỗ lực phục hồi năng lực kinh nghiệm và khẳng định vị thế trong lĩnh vực xây lắp Dầu khí chuyên ngành vừa linh hoạt chuyển đổi mô hình SXKD để phù hợp với nhu cầu thị trường năng lượng tái tạo đang phát triển, đặc biệt thị trường điện gió gần bờ và ngoài khơi.

Tổng quan về tình hình hoạt động SXKD của PVC-MS trong năm 2024 được duy trì ổn định, đánh dấu sự phục hồi về năng lực thi công cũng như niềm tin từ các khách hàng/đối tác trong và ngoài ngành. Về các chỉ tiêu kinh tế cơ bản hoàn thành theo kế hoạch năm được Tổng công ty giao. Để đạt được điều này, Công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành dự án Topside Đại Hùng phase 3, Chân đế Điện gió đã hoàn thiện mốc cuối cùng của Hợp đồng, dự án Xử lý nước thải Long Sơn đã và đang hoàn thiện để bàn giao chạy thử và hoàn thành các dự án của các khách hàng Alpha, T.D.T, ... đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ, bên cạnh đó việc Hợp tác khai thác diện tích trống cũng được thực hiện với các khách hàng PTSC, PTSC M&C, Alpha.

Ngoài việc thi công các dự án, công tác tiếp thị đấu thầu cũng được Công ty đẩy mạnh, tích cực tiếp xúc các khách hàng, Chủ đầu tư để tìm kiếm công việc mới bổ sung cho hoạt động SXKD. Công ty đã ký kết các hợp đồng Chế tạo Topside Lô B - Gói 2 dự án Phú Quốc, Chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng với Tổng thầu PTSC M&C vào đầu tháng 8/2024 và dự án P15 với Tổng thầu Vietsovpetro (VSP) vào ngày 20/9/2024.

Với kết quả trên là cơ sở vững chắc cho các hoạt động SXKD của đơn vị năm 2025 cũng như trong các năm tiếp theo.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2024

a) Các chỉ tiêu kinh tế chính



Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% Hoàn thành	Ghi chú
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	542,00	543,04	100,19%	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	547,00	579,63	105,97%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,16	10,67	105,02%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,16	9,95	97,93%	
5	Nộp NSNN (phải nộp)	Tỷ đồng	11,40	24,60	215,79%	
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ người/ tháng	12,02	14,69	122,21%	

b) Thuyết minh các chỉ tiêu SXKD

- Về Sản lượng: Thực hiện cả năm 543,04/542,00 tỷ đồng, đạt 100,19% so với kế hoạch được giao.
- Về Doanh thu: Thực hiện cả năm 579,63/547,00 tỷ đồng, vượt 5,97% so với kế hoạch được giao.
- Về Lợi nhuận trước thuế: Thực hiện cả năm 10,67/10,16 tỷ đồng, đạt 105,02% kế hoạch được giao.

Tình hình hoạt động SXKD cụ thể như sau:

❖ Về hoạt động thi công xây lắp:

Năm 2024, Công ty tập trung thực hiện các hợp đồng chính như:

- Thi công hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ năm 2023 như Chế tạo Topside Đại Hùng phase 3 cho Tổng thầu VSP, Chủ đầu tư PVEP POC; Chế tạo chân đế Điện gió cho Tổng thầu PTSC, Chủ đầu tư Orsted; Gia công chế tạo kết cấu thép cho Alpha ECC, Focus, cụ thể:

- + Dự án Topside Đại Hùng phase 3: Hoàn thành thi công chế tạo trên bờ Topside Đại Hùng giai đoạn 3 đảm bảo an toàn, chất lượng và bàn giao đúng tiến độ cho Tổng thầu VSP và Chủ đầu tư PVEP POC. Sản lượng thực hiện trong năm đạt 62,02/61,5 tỷ đồng, doanh thu đạt 64,70/64,75 tỷ đồng. Hiện nay, công tác quyết toán hợp đồng đang được Công ty thực hiện, dự kiến sẽ hoàn thành quyết toán và thu hồi 5% giá trị còn lại theo hợp đồng trong Quý II năm 2025.
- + Dự án Chế tạo chân đế Điện gió: Dự án đã hoàn thành. Sản lượng thực hiện cả năm đạt 210,17/205,0 tỷ đồng, doanh thu đạt 261,44/241,74 tỷ đồng.
- + Các gói thầu gia công chế tạo kết cấu thép cho Alpha ECC, Focus, Posco: Sản lượng thực hiện cả năm 4,80 tỷ đồng, doanh thu đạt 8,44 tỷ đồng.

- Triển khai thực hiện hợp đồng các dự án mới như Chế tạo Topside Lô B dự án Phú Quốc, Chế tạo chân đế Lạc đà vàng cho Tổng thầu PTSC, Cung cấp dịch vụ thi công trên bờ giàn P15 cho Tổng thầu VSP, cụ thể như sau:

- + Dự án Topside Lô B dự án Phú Quốc: Công ty ký hợp đồng với PTSC M&C ngày 02/8/2024, dự án được chính thức khởi công ngày 18/9/2024. Đến 31/12/2024, dự án đạt 9,1% tiến độ tổng thể. Sản lượng thực hiện năm 2024 đạt 87,99 tỷ đồng, doanh thu đạt 77,16 tỷ đồng.
- + Dự án Chế tạo chân đế Lạc đà vàng: Công ty ký hợp đồng với PTSC M&C ngày 01/8/2024, dự án được chính thức khởi công ngày 23/10/2024. Đến 31/12/2024, dự án đạt 17,73% tiến độ tổng thể Sản lượng thực hiện năm 2024 đạt 30,01 tỷ đồng, doanh thu đạt 22,27 tỷ đồng.

+ Dự án P15: Công ty ký hợp đồng với VSP ngày 20/9/2024, dự án chính thức được khởi công ngày 06/11/2024. Đến 31/12/2024, dự án đạt hơn 40% tiến độ tổng thể. Sản lượng thực hiện năm đạt 68,33 tỷ đồng, doanh thu đạt 59,40 tỷ đồng.

– Tiếp tục thực hiện và ký thêm một số hợp đồng gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép cho khách hàng Alpha ECC, TDT, PVBGB và thi công Hệ thống nước thải tại NMHD Long Sơn cho Công ty Môi trường Văn Lang, ... Sản lượng thực hiện 37,54 tỷ đồng, doanh thu đạt 32,90 tỷ đồng.

❖ Về công tác thương mại, dịch vụ:

– Công tác Thương mại, cung cấp vật tư năm 2024 có đóng góp vào các chỉ tiêu chung của Công ty. Ngoài thực hiện nhiệm vụ theo chức năng là mua sắm phục vụ các dự án của Công ty, công tác đấu thầu cung cấp vật tư cũng mang về cho Công ty khoảng 10,63 tỷ đồng doanh thu và thu được lợi nhuận khoảng 0,14 tỷ đồng.

– Về hợp tác khai thác CSVC bãi cảng với Alpha ECC, PTSC, PTSC M&C, Lilama 18 và cung cấp dịch vụ cầu bến, hậu cần, logistic: Sản lượng thực hiện cả năm đạt 21,44 tỷ đồng, doanh thu đạt 19,40 tỷ đồng.

– Về hoạt động kinh doanh khai thác cho thuê CSVC, quản lý văn phòng thương mại, quản lý chợ Phường 9 và các dịch vụ khác: Sản lượng thực hiện cả năm đạt 6,47 tỷ đồng, Doanh thu đạt 6,08 tỷ đồng.

c) Công tác tiếp thị và phát triển kinh doanh

Tổ phát triển Kinh doanh & Đấu thầu hoạt động hiệu quả, đem lại cho Công ty các kết quả cụ thể như sau:

- Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất các thủ tục để ký hợp đồng Chế tạo Topside Lô B – Gói 2 Phú Quốc, Chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng với Tổng thầu PTSC M&C vào đầu tháng 8/2024, và dự án P15 với Tổng thầu Vietsovpetro (VSP) vào ngày 20/9/2024..
- Tích cực tiếp xúc, tìm kiếm và phát triển thị trường cả trong và ngoài ngành để tham gia chào giá/dự thầu các gói thầu trong lĩnh vực Oil & Gas như: chế tạo Topside cho dự án mỏ khí Lô B, cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi và CSVC cho khách hàng PTSC M&C; Các gói thầu thuộc các dự án điện gió Baltica, Fengmiao của Chủ đầu tư Orsted;
- Tiếp cận các gói thầu ngoài ngành như gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép nhà xưởng thuộc dự án mở rộng NMHD Long Sơn, sân bay Long Thành, ... tạo tiền đề và cơ hội việc làm cho các năm tiếp theo trong mục tiêu đến năm 2030 của Công ty.
- Tìm kiếm, tiếp thị năng lực để tham gia thị trường xây lắp dầu khí tại Ấn Độ, Đài Loan.

d) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và nâng cao năng lực thiết bị thi công

Năm 2024, PVC-MS không thực hiện công tác đầu tư mà tập trung quản lý, điều phối thiết bị, xe máy, CCDC ... một cách hiệu quả đồng thời thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa đầy đủ và định kỳ các tài sản này để tối ưu công năng.

e) Công tác tổ chức, nhân sự Công ty

- Thực hiện công tác quản lý và điều hành Xí nghiệp Dịch vụ Cảng, Xưởng dịch vụ tổng hợp và Phòng TK-KT theo mô hình và cơ cấu tổ chức mới. Cập nhật, sửa đổi và ban hành lại các quy chế, quy định liên quan như: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng/ban chức năng; Quy chế tổ chức hoạt động của Xí nghiệp DVC; Quy chế tổ chức hoạt động của Xưởng DVTH; Quy chế quản lý máy, thiết bị và công cụ dụng cụ; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý hợp đồng; Quy chế giao khoán... nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

f) Công tác tài chính kế toán

- Về công tác tài chính kế toán được thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập và kiểm toán đầy đủ đảm bảo tính minh bạch.

- Năm 2024, Công ty luôn chủ động tiếp xúc, mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng/ngân hàng để sắp xếp nguồn vốn phục vụ kịp thời cho hoạt động SXKD, triển khai dự án.
- Xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết theo từng tháng, quý để quản lý và kiểm soát dòng tiền một cách hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh và tập trung quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán công trình để đảm bảo dòng tiền phục vụ kế hoạch SXKD của Công ty.
- Thuế và các khoản phải nộp NSNN: Thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của Nhà nước. Trong năm, Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước 46,66 tỷ đồng (*bao gồm các khoản thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và các loại thuế khác*).

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế:

Năm 2025, Công ty tập trung hoàn thành các dự án/công trình chuyển tiếp từ năm 2024 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ chung của dự án (như Topside Lô B, P15, Chân đế Lạc đà vàng, ...) nhằm góp phần hoàn thành kế hoạch đề ra. Ngoài ra, tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị các dự án/công trình mới như một số gói thầu tại dự án Điện gió Đài Loan cho Công ty Taiwan huanfeng holding Co.Ltd và dự án Phát triển mỏ của Công ty ONGC Ấn Độ của khách hàng MDL, ... & đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế theo quy chế đối với mỗi dự án trúng thầu.

Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Giá trị sản lượng: 784,00 tỷ đồng;
- Doanh thu: 725,00 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 12,20 tỷ đồng, trong đó:
- Nộp NSNN: 22,50 tỷ đồng.
- Đầu tư: Năm 2025, Công ty chưa có kế hoạch đầu tư.
- Tiền lương bình quân của người lao động: 15,50 triệu đồng/người/tháng.
- Tỷ lệ chia cổ tức: Không chia cổ tức.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2025:

Để đảm bảo hoàn thành được kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chính nêu trên, Công ty phải nỗ lực, tập trung thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Về công tác thi công dự án:

- + Tập trung thực hiện các dự án Chế tạo Topside Lô B – Gói 2 Phú Quốc, P15, Chế tạo Chân đế Lạc đà vàng, ... đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ.
- + Kiểm soát chặt chẽ chi phí thực hiện các dự án, quản trị nguồn lực, phân bổ sử dụng tài sản, tài nguyên hiệu quả nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế được HĐQT phê duyệt cho mỗi dự án.
- + Chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực tốt nhất để có thể triển khai thi công ngay sau khi các dự án mới của Công ty bắt đầu triển khai như: Điện gió Đài Loan, Topside cho MDL,...

- Về công tác tài chính:

- + Tích cực quan hệ và tiếp cận với các Tổ chức tín dụng để thu xếp tín dụng phục vụ hoạt động sản kinh doanh;
- + Đàm phán cơ cấu lại các khoản nợ phải trả và có kế hoạch, lộ trình trả nợ hợp lý với các đơn vị cung ứng dịch vụ tránh rơi vào các tranh chấp, khiếu kiện ảnh hưởng hình ảnh uy tín và tình hình hoạt động SXKD chung của Công ty;

+ Kết nối với công ty thuê mua tài chính để bán kỳ hạn 1 số tài sản là máy móc thiết bị đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng được để tạo dòng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất (khi đủ điều kiện).

– ***Về công tác tiếp thị tìm kiếm công việc:***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm dự án mới trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

+ **Lĩnh vực xây lắp trên bờ:**

- Phối hợp cùng Tổng công ty mẹ PetroCons và các đối tác trong/ ngoài nước tiếp thị/chào thầu để cùng thực hiện các dự án kho chứa, bồn bể, vận chuyển, chế biến dầu, khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị trong ngành đầu tư theo các hình thức: nhà thầu xây lắp, nhà thầu phụ đặc biệt cho các dự án có tổng thầu nước ngoài;
- Tham gia chào thầu để thi công các hạng mục cơ khí, lắp đặt các Dự án Nhà máy Nhiệt điện.

+ **Lĩnh vực xây lắp dầu khí ngoài khơi:**

- Là nhà thầu gia công chế tạo trên bờ các khối thượng tầng, các kết cấu chân đế cho các khách hàng trong nước và trên thế giới (như khách hàng tại khu vực Trung Đông, Ấn Độ, ...);
- Cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi gia công chế tạo và cơ sở vật chất cho các khách hàng có nhu cầu như PTSC, PTSC M&C, VSP, Alpha,
- Cùng Tổng công ty mẹ - PetroCons và các đối tác khác tham gia chào thầu và thi công các công trình hạ nguồn thuộc chuỗi dự án Lô B - Ô Môn như đường ống dẫn khí trên bờ, các trạm valve, trạm phân phối khí và Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 4 theo tiến độ thực hiện của từng dự án.
- Tìm kiếm các đơn vị mạnh để liên danh, liên kết cùng tiếp thị đấu thầu chia sẻ công việc chế tạo, lắp ráp các giàn khoan dầu khí hạng nhẹ và trung bình cho ngành Dầu khí như các dự án mỏ khí Lô B, Đại Hùng Nam 4x, Cửu Long, ... Đảm nhiệm vai trò nhà thầu phụ cho các đơn vị mạnh như VSP, PTSC, PTSC M&C, ...

+ **Lĩnh vực xây lắp điện gió, năng lượng tái tạo:**

- Là nhà thầu chuyên nghiệp trong công tác gia công chế tạo trên bờ các công trình điện gió thuộc các dự án trang trại gió của Chủ đầu tư Orsted ở Đài Loan, Baltic, ...

– **Lĩnh vực O&M, dịch vụ và logistic:**

- Trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Bãi cảng Chế tạo Kết cấu kim loại và Thiết bị Dầu khí, phát triển dịch vụ bến cảng và kho bãi cho các đối tác trong và ngoài ngành dầu khí, dịch vụ bốc dỡ vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và các dịch vụ kỹ thuật hậu cần cơ khí biển. Mục tiêu lĩnh vực này chỉ là khai thác xen kẽ, phát huy tối đa công năng nhưng dành ưu tiên cho công tác triển khai thi công các công trình trên Bãi Cảng. Kết hợp công tác thương mại vật tư với công tác dịch vụ cảng biển, kho bãi để thực hiện chuỗi logistic cung ứng cho khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh lân cận.
- Xây dựng lực lượng, cơ sở kỹ thuật cùng các đối tác đã ký kết triển khai thành công và khẳng định năng lực bằng các hợp đồng cụ thể trong lĩnh vực O&M, trước mắt là phần M của các giàn khai thác, nhà máy Hoá dầu Long Sơn.

+ ***Về công tác tổ chức:***

- Tập trung xây dựng bộ phận quản lý (đặc biệt về quản lý thi công), nhằm chuyên sâu năng lực, tăng tính chặt chẽ trong giám sát và nắm bắt thông tin các dự án được nhanh chóng và hiệu quả.

- Phát triển, nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ tiếp thị đầu thầu để tiếp cận, tham gia thị trường nước ngoài.
- Xây dựng đội ngũ thiết kế, kỹ thuật giỏi, giàu kinh nghiệm trong chuyên ngành xây lắp Dầu khí.
- Xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề. Phát triển công tác đào tạo nội bộ, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho các loại thợ, trẻ hóa đội ngũ lực lượng CNKT. Duy trì tối thiểu đội ngũ lao động trực tiếp khoảng 500 người có tay nghề cao, đầy đủ các chứng chỉ đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của các khách hàng.
- Phát triển dịch vụ đào tạo nâng cao tay nghề thợ, cung ứng nhân lực bên ngoài để khai thác tối đa nguồn nhân lực của Công ty hoặc tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trong trường hợp Công ty chưa bố trí được việc làm..

+ Các công tác khác:

- Tối ưu hóa diện tích mặt bằng trống nhằm mục đích hợp tác khai thác một cách hiệu quả. Tiếp tục thực hiện bố trí, hoàn thiện cơ sở vật chất Bãi cảng để nâng cao năng lực hoạt động, cũng như đáp ứng yêu cầu cho các dự án offshore và onshore.
- Đối với hệ thống nhà xưởng (bao gồm trang thiết bị trong nhà xưởng): Bố trí, phân bổ sử dụng một cách phù hợp với tình hình thực tế nhằm khai thác tối đa hiệu quả tài sản Công ty đã đầu tư.
- Đối với xe máy, thiết bị nâng hạ: Nâng cao tính phối hợp trong công tác điều hành với các Đơn vị sản xuất, tận dụng tối đa năng suất của các thiết bị nội bộ phục vụ cho các dự án Công ty ký hợp đồng. Ngoài ra, phục vụ cho các đối tác đã và đang hợp tác trên bãi cảng một cách hiệu quả.
- Thực hiện rà soát điều chỉnh, cập nhật bộ đơn giá định mức nội bộ để phù hợp với thị trường và tăng tính cạnh tranh trong công tác chào thầu.
- Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu về thi công các công trình dự án đã thực hiện để lưu trữ làm tài nguyên tham khảo cho công tác quản lý, điều hành, kiểm soát các dự án sẽ thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025 của Công ty PVC-MS.


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty PetroCons;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, KT-TM.

Ký tắt:

Phòng KT-TM: 



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY
CÔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số: 02 /BC-KCKL-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 4 năm 2025.

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí đã được ĐHCĐ thông qua ngày 30/06/2021;

Ban kiểm soát PVC-MS báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2024 của PVC-MS và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Về tổ chức: Ban kiểm soát có 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang : Trưởng BKS;
- Ông Hoàng Văn Hải : Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Thu Anh : Thành viên.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, luôn đảm bảo tính trung thực, khách quan.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2024 và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty PVC-MS đã ban hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác lập Báo cáo kiểm kê, Báo cáo tài chính quý/ năm đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Phối hợp với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo năm. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024;
- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành, thực hiện các quy chế, quy định do Công ty ban hành; Đề xuất các ý kiến sửa đổi, bổ sung đối với các quy chế quản lý nội bộ không còn phù hợp.
- Tháng 8/2024 phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty Petrocons kiểm tra tình hình thực hiện SXKD năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, công tác sử dụng vốn, tình hình sử dụng lao động, đánh giá kết quả một số hợp đồng kinh tế chính của Công ty đang thực hiện.
- Thường xuyên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.



- Thực hiện chế độ báo cáo giám sát định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ban kiểm soát Tổng công ty PetroCons

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Năm 2024 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên và đột xuất khác như cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGĐ đóng góp nhiều ý kiến về quản trị điều hành Công ty.

- Thống kê các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không Tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên BKS	4/4	100%	

4. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các TV BKS trong năm 2024:

Ban kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được ĐHCĐ thông qua, các thành viên BKS chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. BKS thường xuyên giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát đã gửi tới HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề còn tồn tại hạn chế, các rủi ro tiềm ẩn. Ban kiểm soát tự đánh giá mức độ hoàn thành của các thành viên như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Trưởng BKS : hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Ông Hoàng Văn Hải - Thành viên BKS : hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Bà Nguyễn Thị Thu Anh - Thành viên BKS : hoàn thành tốt nhiệm vụ.

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2024

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2023	Năm 2024			Tỷ lệ thực hiện so với 2023 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	
1	Giá trị sản lượng	408,51	542,00	543,04	100,2%	134,0%
2	Doanh thu	417,74	547,00	579,63	106,0%	138,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	(159,01)	10,16	10,67	105,1%	-
4	Lợi nhuận sau thuế	(159,01)	-	9,95	-	-
5	Nộp ngân sách NN	14,49	11,40	24,60	215,8%	166,5%
6	Cổ tức	0	0	0	-	-

2. Công tác đầu tư, mua sắm:

- Trong năm 2024, Công ty đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị là: **6,57** tỷ đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính: tại thời điểm 31/12/2024 số dư góp vốn vào các công ty như sau: (i) Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí 50 triệu đồng và (ii) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh: 5 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng 100% là 5 tỷ đồng). Trong đó Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh nhiều năm hoạt động không hiệu quả, đã kiến nghị Tổng công ty hỗ trợ tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp trên nhưng chưa thành công.

3. Công tác tổ chức nhân sự, lao động, tiền lương, chế độ chính sách:

- Trong năm 2024, Công ty đảm bảo việc làm cho người lao động, duy trì được được bộ phận lao động gián tiếp, các quyền lợi BHXH được đảm bảo. Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2024 là 646 người.

Tổng quỹ lương trích trong năm là 120,28 tỷ đồng, tiền lương bình quân 15,5 triệu đồng/người/tháng.

4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ Công ty:

Hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty ban hành tương đối đầy đủ, tuy nhiên cần phải điều chỉnh, sửa đổi thường xuyên cho phù hợp với thực tế.

5. Công tác tài chính kế toán năm 2024:

- Công tác quyết toán và thu hồi công nợ đã được Công ty thực hiện quyết liệt, tình hình nợ xấu đã được giải quyết, nhưng số nợ phải thu khách hàng còn lớn 155,49 tỷ đồng (Số liệu chi tiết tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán), công nợ phải thu khó đòi vẫn còn tồn đọng.

- Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đầy đủ, trong năm 2024 số nộp ngân sách của Công ty là 24,6 tỷ đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu: Tại thời điểm 01/01/2024 vốn điều lệ 600 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 118,60 tỷ đồng. Kết quả SXKD năm 2024 có lợi nhuận 9,95 tỷ đồng làm cho vốn chủ sở hữu tăng lên 126,61 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/12/2024 Công ty đang âm vốn 473,39 tỷ đồng, vì vậy Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động SXKD, tìm kiếm thêm công việc/các hợp đồng lớn để giảm lỗ và khôi phục lại vốn chủ sở hữu theo như kế hoạch đề ra.

II. Thẩm định Báo cáo tài chính 2024:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Theo Báo cáo tài chính 2024 của Công ty và số liệu của kiểm toán độc lập, như sau:

- | | |
|----------------------------|-----------------|
| - Tổng doanh thu: | 579,63 tỷ đồng; |
| - Tổng chi phí: | 568,96 tỷ đồng; |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 10,67 tỷ đồng; |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN: | 9,95 tỷ đồng. |

2. Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024 (tỷ đồng)	31/12/2023 (tỷ đồng)	So sánh năm 2024 với 2023	
				Tăng/giảm (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
A	TỔNG TÀI SẢN	837,76	820,68	17,08	2%
I	Tài sản ngắn hạn	334,52	290,40	44,12	15%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	51,56	40,19	11,36	28%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	173,54	89,80	83,74	93%
3	Hàng tồn kho	97,42	149,12	(51,70)	(35%)
4	Tài sản ngắn hạn khác	12,00	11,28	(0,71)	6%
II	Tài sản dài hạn	503,24	530,28	(27,04)	(5%)
1	Các khoản phải thu dài hạn	0,94	1,65	0,71	(43%)
2	Tài sản cố định	395,64	414,78	(19,13)	(5%)
3	Bất động sản đầu tư	11,40	11,34	0,06	1%
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3,26	1,59	1,67	105%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,05	0,05	-	0%
6	Tài sản dài hạn khác	91,95	100,88	(8,93)	(9%)
B	TỔNG NGUỒN VỐN	837,76	820,68	17,08	2%
III	Nợ phải trả	711,14	702,08	9,06	1%
1	Nợ ngắn hạn	704,39	693,24	11,14	2%
2	Nợ dài hạn	6,75	8,84	(2,08)	(24%)
IV	Nguồn vốn	126,61	118,60	8,02	7%
1	Vốn của Chủ sở hữu	126,61	118,60	8,02	7%
*	<i>Trong đó: Vốn góp chủ sở hữu</i>	<i>600,00</i>	<i>600,00</i>	-	0%
*	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	-	0%
*	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>92,26</i>	<i>92,26</i>	-	0%
*	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>(578,90)</i>	<i>(586,91)</i>	<i>8,02</i>	<i>1%</i>

Kết luận:

Ban kiểm soát đồng ý với các ý kiến của Báo cáo kiểm toán độc lập số: 260325.013/BCTC.HCM ngày 26/03/2025 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban kiểm soát đưa ra ý kiến lưu ý sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2024 Công ty lãi trước thuế 10,67 tỷ so với năm 2023 lỗ (159,01) tỷ, thì tình hình SXKD của Công ty có nhiều khởi sắc, tuy nhiên một số hợp đồng dịch vụ cầu cảng chưa hiệu quả do doanh thu ít chưa bù đắp đủ chi phí khấu hao.

III. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

- Trong năm 2024, Ban giám đốc đã bám sát và triển khai kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, các chỉ đạo của Tổng công ty PetroCons.

- Ban giám đốc kiểm tra giám sát thường xuyên các dự án, chỉ đạo sát sao và kịp thời giải quyết các vướng mắc đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

- Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD. Công tác chào thầu, công tác quản lý và triển khai dự án đã có nhiều chuyển biến tích cực, bước đầu công ty đã có lãi tuy nhiên cần nâng cao hơn nữa công tác quản lý, kiểm soát chi phí ở các dự án.

IV. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc trong việc thực thi các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban giám đốc triển khai kịp thời, tuy nhiên, HĐQT cần có giải pháp quyết liệt đối với các dự án còn thua lỗ.

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 62 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

- Trong năm 2024, Công ty không có bất kỳ giao dịch nào với các đối tượng trên.

VI. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban giám đốc:

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

- Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc và đã đưa ra các ý kiến với HĐQT, BGĐ, các đơn vị có liên quan về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả, an toàn sản xuất kinh doanh.

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban kiểm soát có một số nhận xét sau:

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều thấp, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn, điều đó cho thấy Công ty đang gặp khó khăn về tài chính và có nhiều rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán trong tương lai. Về lâu dài, Công ty không thể thanh toán các khoản nợ, có thể dẫn đến việc tiềm ẩn các rủi ro về pháp lý.

Tổng khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn đến ngày 31/12/2024 là khoản nợ Công ty đang nợ nhà thầu phụ/nhà cung cấp là 550,82 tỷ đồng, trong đó có một số khoản nợ lâu dẫn đến rủi ro tranh chấp pháp lý, kiện tụng ra tòa án. Một số khoản nợ của công trình DKI-Bộ Quốc phòng và Gói thầu A2 Long Sơn bị mất cân đối thanh toán.

Tổng các khoản nợ ngắn hạn phải thu đến ngày 31/12/2024 là 173,54 tỷ đồng, đã trích dự phòng 11,9 tỷ đồng, trong đó một số khoản rủi ro không thu hồi được như:

+ Khoản nợ 2,8 tỷ đồng bán một số căn hộ chung cư số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, vì đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ cho người dân nhưng chưa thu hết tiền. Vi phạm của cá nhân Bà Nguyễn Thị Thu Thảo đã được Toà án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm.

+ Khoản công nợ 3,66 tỷ đồng của Ban quản lý dự án 5B-Cảng xuất NMLD Dung Quất; 200 triệu đồng của Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy Dầu khí (PVC-ME); 353 triệu đồng của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An; 617 triệu đồng của Công ty TNHH xây lắp Nhật Minh; 249 triệu đồng của Mepcom Offshore and Marine PTE LTD; 137 triệu đồng của Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà; khoản nợ tạm ứng của một số cá nhân 662 triệu đồng; 1,13 tỷ đồng tiền phí vận hành, điện nước, gửi xe chung cư...

+ **Đối với dự án Topside Đại Hùng 3** Dự án hoàn thành bàn giao cho tổng thầu, hiện nay Công ty đang làm công tác quyết toán với Chủ đầu tư/Tổng thầu và thực hiện quyết toán nội bộ các hợp đồng giao khoán và hợp đồng thầu phụ nhưng đến nay chưa quyết toán xong nên chưa thể đánh giá kết quả cuối cùng của dự án (lỗ lũy kế đến tháng 12/2024 là -13,36 tỷ đồng).

+ **Đối với dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2:** do bị chậm tiến độ, kéo theo chi phí ăn ở, đi lại, chờ việc rất lớn, công tác nghiệm thu thanh quyết toán rất khó khăn, chậm trễ. Việc điều chỉnh giá hợp đồng đối với công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng phụ thuộc hoàn toàn vào việc có được Chủ đầu tư (PVN) chấp thuận hay không và chỉ được thực hiện sau khi có Tổng dự toán điều chỉnh được phê duyệt, điều này sẽ tiềm ẩn rủi ro không lường trước được đối với Công ty.

+ **Đối với khoản nợ tiền thuế đất** đây là khoản tiền thuế đất hàng năm (23 ha) Công ty PVC MS phải nộp cho ngân sách nhà nước thông qua Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (bên cho thuê đất). Số tiền này phát sinh từ năm 2008 đến nay chưa được Công ty thanh toán cho cơ quan thuế. Đây là khoản nợ lớn Công ty cần xử lý trong tương lai.

+ Quản lý tiền tạm ứng cá nhân

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, số dư tạm ứng là **15,50 tỷ đồng**, còn có một số khoản nợ tạm ứng cá nhân là **1,62 tỷ đồng** vượt quá thời hạn quy định theo quy chế Quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Đề nghị các cá nhân và các bộ phận liên quan phối hợp xử lý.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

- Đề nghị Ban giám đốc rà soát lại chi phí thực hiện dự án Đại Hùng 3, thanh quyết toán dứt điểm với Chủ đầu tư/Tổng thầu và các nhà thầu phụ, các Đội thi công.

- Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo các phòng/ ban cần tập trung công tác thanh quyết toán các dự án/ hạng mục đã hoàn thành thi công với chủ đầu tư để thu hồi vốn cũng như công tác quyết toán nội bộ.

- Tăng cường công tác quản lý chi phí, đơn giá khoán cho các Đội/ bộ phận thi công được tính theo giá thị trường. Có chế tài đối với người nhận khoán nếu để xảy ra lỗ.

- Tập trung thu hồi các khoản nợ để có vốn phục vụ SXKD và để trả nợ vay ngân hàng và trả các nhà thầu phụ.

- Thanh lý các tài sản, máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ dụng cụ hư hỏng/ không cần dùng đến để giảm chi phí khấu hao và chi phí quản lý.
- Tiếp tục thực hiện công tác định biên nhân sự theo hướng tinh giảm lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp có tay nghề cao.
- Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp với Phòng Kinh tế Thương mại giám sát chặt chẽ chi phí của các dự án, đối chiếu thường xuyên giữa chi phí với sản lượng thực hiện, để không được mất cân đối.
- Hỗ trợ Xí nghiệp Dịch vụ Cảng tiếp thị tìm kiếm việc làm phát huy tiềm năng Bãi cảng PVC-MS.
- Hoàn thiện các quy định quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu quản lý mới, mục tiêu tiết giảm chi phí doanh nghiệp.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng công ty Petrocons:

- Hỗ trợ công tác nghiệm thu, thanh quyết toán cho PVC-MS tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2 và dự án Sông Hậu 1.
- Hỗ trợ PVC-MS trong việc tìm kiếm nguồn việc từ các dự án mới của Tập đoàn PVN và các đối tác ngoài ngành
- Hỗ trợ PVC-MS tìm kiếm thêm các Ngân hàng/ hoặc các Tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.
- Hỗ trợ PVC-MS tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp 5 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh.
- Hỗ trợ PVC-MS thu hồi công nợ của từ các đơn vị thành viên của Tổng Công ty như PVC-ME, PVC Nghệ An, PVC-TH, Petrocons Đông Đô ...
- Chỉ đạo xử lý kịp thời những kiến nghị, đề xuất của PVC-MS trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025.

PHẦN III: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty. Thẩm định báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và hội nghị chuyên đề của Công ty, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Lập báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ theo quy định của Tổng công ty PetroCons.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS PetroCons;
- HĐQT, BGĐ PVC-MS;
- Lưu: VT, BKS.




Nguyễn Thị Thùy Trang

PHỤ LỤC
Báo cáo chi trả tiền lương/ phụ cấp/ thù lao của Ban kiểm soát
năm 2024 và kế hoạch 2025

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2024:

Tổng chi phí tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 là: **519.268.000** đồng, cụ thể:

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Kế hoạch năm 2024	Chi phí năm 2024
1.	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS chuyên trách	267.750.000	284.650.000
2.	Hoàng Văn Hải	TV BKS chuyên trách	196.650.000	205.585.000
3.	Nguyễn Thị Thu Anh	TV BKS kiêm nhiệm	36.000.000	29.033.000
	Tổng		500.400.000	519.268.000

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2025

- Căn cứ số lượng thành viên BKS theo Điều lệ quy định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Thành viên BKS chuyên trách trả lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty;
- Thành viên BKS không chuyên trách hưởng phụ cấp 3.000.000 đồng/tháng.

Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2025 là: **681.450.000** đồng.

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Kế hoạch 2025
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS chuyên trách	390.400.000
2	Hoàng Văn Hải	TV BKS chuyên trách	255.050.000
3	Nguyễn Thị Thu Anh	TV BKS không chuyên trách	36.000.000
	Tổng		681.450.000

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49 /TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025 như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024:

a) Số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên tại thời điểm ngày 31/12/2024:

- Số lượng thành viên HĐQT là 5 người (trong đó các Thành viên không chuyên trách là 3 người).

- Số lượng Kiểm soát viên là 03 người (gồm 01 thành viên không chuyên trách).

b) Thù lao, tiền lương, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát.

➤ Hội đồng quản trị là 1.013.710.000 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương Hội đồng quản trị là 650.510.000 đồng.

- Quỹ thù lao là: 363.200.000 đồng.

➤ Ban Kiểm soát là 519.268.000 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương Ban Kiểm soát là 490.235.000 đồng.

- Quỹ thù lao là: 29.033.000 đồng.

c) Quỹ tiền lương, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách được Công ty xác định theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

Mức thù lao, tiền lương, phụ cấp của từng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2024 theo Phụ lục đính kèm.

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025:

a) Căn cứ xây dựng kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS

- Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (chế độ quy định tại Nghị định áp dụng từ ngày 01/01/2025);

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

- Quy chế tiền lương; Quy định nội bộ hiện hành của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

b) Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025

- Đối với Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách: 12.000.000 đồng/tháng.

- Đối với thành viên HĐQT là đối tác chiến lược/ người đại diện vốn của Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd. tại PVC-MS: 10.000.000 đồng/tháng.

- Đối với thành viên độc lập HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

- Đối với Trưởng ban Kiểm soát làm việc theo chế độ không chuyên trách: 8.000.000 đồng/tháng.

- Đối với Thành viên BKS làm việc theo chế độ không chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng.

- Quỹ tiền lương của HĐQT là 1.030.872.000 đồng, tương ứng với số lượng thành viên HĐQT là 02 người.

- Quỹ tiền lương của Thành viên BKS chuyên trách là 300.000.000 đồng.

3. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Minh Công

LƯƠNG, PHỤ CẤP, THÙ LAO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Stt	Họ tên	Chức danh	Tổng thu nhập (đồng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		1.013.710.000	
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	123.200.000	Thù lao
2	Đinh Văn Hưng	Thành viên HĐQT	332.004.000	Chuyên trách
4	Trần Vũ Phụng	Thành viên HĐQT	194.829.000	Chuyên trách
3	Đinh Văn Tân	Thành viên HĐQT	123.677.000	Chuyên trách
5	Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	120.000.000	Thù lao
6	Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT không chuyên trách	120.000.000	Thù lao
II	Ban Kiểm soát		519.268.000	
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	284.650.000	Chuyên trách
2	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	205.585.000	Chuyên trách
3	Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên BKS không chuyên trách	29.033.000	Thù lao
	Tổng cộng		1.532.978.000	

Ông Trần Vũ Phụng bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 20/5/2024.

Ông Đinh Văn Tân miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 20/5/2024.



TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47...../TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 4, năm 2025.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi và bổ sung) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/05/2024;

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, PVC-MS đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của PVC-MS (Đính kèm theo báo cáo).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.



Vũ Minh Công

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI
VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch	
Ông Lim Hau Guan	Thành viên	
Ông Đinh Văn Hưng	Thành viên	
Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên	
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2024
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2024

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Khắc Mẫn	Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc	
Ông Lê Đình Công	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/08/2024
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc	Nghỉ hưu từ 01/08/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Vũ Minh Công - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Phan Khắc Mẫn - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Khắc Mẫn

Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với nguyên giá là 15,166 tỷ VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 6,448 tỷ VND (xem Thuyết minh số 12). Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2011. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án.
2. Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2024 với tổng giá trị lần lượt là 892,970 tỷ VND và 921,339 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 4,930 tỷ VND và 5,150 tỷ VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến 02 dự án nêu trên tại ngày 31/12/2024 và 01/01/2024 với giá trị lần lượt là 146,247 tỷ VND và 149,758 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới báo cáo tài chính đính kèm.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2024, Các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 369,86 tỷ VND; Khoản lỗ lũy kế là 578,93 tỷ VND; Khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán tại 31/12/2024 là 412,07 tỷ VND... Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		334.518.859.782	290.400.586.447
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	51.555.579.663	40.194.043.110
111	1. Tiền		35.582.886.745	24.441.158.721
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.972.692.918	15.752.884.389
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		173.544.227.313	89.803.130.916
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	155.488.021.382	79.726.386.526
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.618.107.710	12.446.958.622
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	22.342.976.613	8.308.353.928
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.904.878.392)	(10.678.568.160)
140	IV. Hàng tồn kho	09	97.421.546.993	149.119.194.962
141	1. Hàng tồn kho		187.481.801.114	265.751.503.342
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(90.060.254.121)	(116.632.308.380)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.997.505.813	11.284.217.459
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.330.684.037	889.777.560
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	9.666.821.776	10.394.439.899
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		503.236.906.367	530.279.271.278
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		936.010.924	1.647.696.496
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	936.010.924	1.647.696.496
220	II. Tài sản cố định		395.643.112.341	414.776.505.073
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	386.078.602.199	404.335.019.655
222	- Nguyên giá		925.938.398.690	953.607.009.973
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(539.859.796.491)	(549.271.990.318)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.564.510.142	10.441.485.418
228	- Nguyên giá		29.945.824.162	29.945.824.162
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.381.314.020)	(19.504.338.744)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	11.398.514.829	11.335.900.827
231	- Nguyên giá		18.122.234.883	17.530.390.046
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.723.720.054)	(6.194.489.219)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.260.723.002	1.593.639.558
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.260.723.002	1.593.639.558
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	50.000.000	50.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.050.000.000	5.050.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		91.948.545.271	100.875.529.324
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	91.948.545.271	100.875.529.324
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		837.755.766.149	820.679.857.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		711.142.293.913	702.083.206.502
310	I. Nợ ngắn hạn		704.387.887.723	693.244.592.014
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	550.824.956.142	537.650.462.456
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	12.424.660.619	31.624.843.210
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	26.816.202.938	20.889.033.220
314	4. Phải trả người lao động		16.019.244.363	12.183.862.770
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	64.320.510.280	61.698.013.467
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	3.247.713.529	108.553.728
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	15.537.951.952	18.503.175.263
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	12.210.000.000	7.600.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.986.647.900	2.986.647.900
330	II. Nợ dài hạn		6.754.406.190	8.838.614.488
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	199.251.272	295.595.888
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	643.580.218	660.919.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	5.911.574.700	7.882.099.600
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		126.613.472.236	118.596.651.223
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	126.613.472.236	118.596.651.223
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.251.400.000	13.251.400.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		92.258.894.332	92.258.894.332
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(578.896.802.096)	(586.913.623.109)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(588.843.733.440)	(427.907.435.025)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.946.931.344	(159.006.188.084)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		837.755.766.149	820.679.857.725

Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu,
ngày 26 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	570.016.285.007	412.423.283.984
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		570.016.285.007	412.423.283.984
11	4. Giá vốn hàng bán	26	528.147.565.635	541.818.436.999
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.868.719.372	(129.395.153.015)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	447.548.541	1.070.935.031
22	7. Chi phí tài chính	28	2.889.860.886	2.194.145.592
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.199.435.611	1.180.888.738
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	31.729.733.973	29.960.095.504
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.696.673.054	(160.478.459.080)
31	11. Thu nhập khác	30	9.168.057.577	4.245.855.034
32	12. Chi phí khác	31	6.190.181.164	2.773.584.038
40	13. Lợi nhuận khác		2.977.876.413	1.472.270.996
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.674.549.467	(159.006.188.084)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	727.618.123	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.946.931.344	(159.006.188.084)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	166	(2.650)

Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu,
ngày 26 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.674.549.467	(159.006.188.084)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.575.504.370	26.541.092.081
03	- Các khoản dự phòng		(27.316.268.927)	(5.695.840.869)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		106.143.505	994.242.931
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.059.878.722)	(1.503.259.824)
06	- Chi phí lãi vay		1.199.435.611	1.180.888.738
07	- Các khoản điều chỉnh khác			-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.179.485.304	(137.489.065.027)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(84.259.564.891)	60.737.490.417
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		78.269.702.228	137.530.710.619
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.263.551.153	(64.150.533.434)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		7.486.077.576	(8.397.979.616)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.085.302.866)	(1.277.313.130)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.362.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.853.948.504	(14.408.690.171)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.244.211.661)	(30.440.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.703.131.442	504.814.815
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		432.993.691	1.072.818.680
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.108.086.528)	1.547.193.495
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		34.429.054.866	8.967.434.422
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(29.819.054.866)	(35.709.730.990)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.610.000.000	(26.742.296.568)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.355.861.976	(39.603.793.244)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		40.194.043.110	79.794.226.680
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.674.577	3.609.674
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	51.555.579.663	40.194.043.110

Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu,
ngày 26 tháng 03 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 600.000.000.000 VND; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngày 27/05/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là PXS, số lượng niêm yết lần đầu là 20 triệu cổ phiếu.

Ngày 24/06/2022, Công ty chính thức bị hủy niêm yết bắt buộc đối với 60 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE.

Ngày 01/07/2022, Công ty được HNX chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, số lượng 60 triệu cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCOM là ngày 08/07/2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 646 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 644 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp thiết bị, máy móc liên quan đến công trình dầu khí.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án; Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phần nhiệt và điện lạnh công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện áp dưới 220KV; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Công trình điện và dịch vụ xây dựng công trình điện như: Công trình điện gió, Công trình nhiệt điện; Công trình thủy điện; Công trình điện mặt trời; Công trình điện khí biogas; Công trình điện khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; Kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền, ngoài biển;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải bằng xe ô tô, container;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng; Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí; Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ; Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2024, Các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 369,86 tỷ VND và lớn gấp 5,5 lần Vốn chủ sở hữu; Khoản lỗ lũy kế là 578,89 tỷ VND; Khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán tại 31/12/2024 là 412,07 tỷ VND... Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc đã đánh giá thận trọng từng vấn đề và nhận thấy:

- Các khoản nợ ngắn hạn nêu trên chủ yếu là nợ phải trả người bán ngắn hạn và khoản vay ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch;
- Công ty cũng đã xây dựng phương án tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, lãi ước tính từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ sắp tới đảm bảo khắc phục tình trạng này.

Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Dịch vụ Cảng	Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	Khảo sát, thiết kế, chế tạo và lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Hợp đồng xây lắp

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng bằng văn bản được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	32	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30	năm
--------------------------	----	-----

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.17 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê hạ tầng Bãi cảng Sao mai Bến Đình được phân bổ trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm kể từ ngày 16 tháng 09 năm 2010;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm.
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.18 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.19 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.20 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.21 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công dự án, chi phí bán quyền, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập cho các công trình xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu tại ngày kết thúc năm tài chính theo cam kết với khách hàng nhưng không quá 5% giá trị hợp đồng đối với các công trình xây lắp này dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.23 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với năm tài chính.

2.24 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.25 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu từ Hợp đồng xây lắp

Doanh thu từ hợp đồng xây lắp bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây lắp được trình bày tại Thuyết minh số 2.11.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ..

Giá vốn Hợp đồng xây lắp

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây lắp và tỷ suất lãi gộp ước tính theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng xây lắp vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	126.752.478	72.251.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	35.456.134.267	24.368.907.001
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	15.972.692.918	15.752.884.389
	51.555.579.663	40.194.043.110

(1) Tại ngày 31/12/2024, khoản tiền gửi có giá trị 1.763.293.489 VND và 4.508,53 USD tương ứng với 113.795.297 VND tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam hiện đại (trước đây là "Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương") hiện đang bị phong tỏa không được sử dụng do ngân hàng này đang bị điều tra bởi cơ quan pháp luật. (Số dư tài khoản phong tỏa tại ngày 01/01/2024 là 1.761.526.289 VND và 4.508,53 USD tương ứng với 108.655.573 VND).

(2) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 13.744.270.684 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 3%/năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 2.152.571.845 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển với lãi suất 4,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
	<u>5.050.000.000</u>	<u>(5.000.000.000)</u>	<u>5.050.000.000</u>	<u>(5.000.000.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tỉnh Tiền Giang	0,003%	0,003%	Sản xuất sắt, thép, gang
- Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tỉnh Thanh Hóa	2,632%	2,632%	Kinh doanh khách sạn



Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thới Bình, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
- Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	120.274.075.352	(643.556.179)	50.529.714.440	(643.556.179)
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	33.403.795.858	-	42.764.964.709	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	893.386.645	-	2.355.905.678	-
	245.104.920	-	2.070.405.230	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	50.742.318.506	-	-	-
- Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	1.500.975.998	-	1.500.975.998	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	16.235.738.266	-	1.139.905.494	-
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.156.144	(200.156.144)	200.156.144	(200.156.144)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí	79.539.840	-	-	-
- Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	16.340.801.122	(194.186.345)	194.186.345	(194.186.345)
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	282.387.283	-	40.631.752	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	100.657.080	-	-	-
- MEPCOM Offshore and Marine Pte. Ltd	249.213.690	(249.213.690)	249.213.690	(249.213.690)
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	-	13.369.400	-
Bên khác				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	35.213.946.030	(6.134.918.583)	29.196.672.086	(6.184.315.083)
- Công ty TNHH Xử lý chất thải công nghiệp và Tư vấn Môi trường Văn Lang	11.056.204.437	-	15.661.563.684	-
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	8.481.600.000	-	-	-
	15.676.141.593	(6.134.918.583)	13.535.108.402	(6.184.315.083)
	155.488.021.382	(6.778.474.762)	79.726.386.526	(6.827.871.262)

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.072.238.743	(353.896.681)	1.072.238.743	(353.896.681)
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	353.896.681	(353.896.681)	353.896.681	(353.896.681)
	718.342.062	-	718.342.062	-
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	6.545.868.967	(24.000.000)	11.374.719.879	(24.000.000)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Trung Anh	-	-	4.105.831.654	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Xây lắp Miền Đông	-	-	3.389.588.296	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen	-	-	1.780.000.000	-
- Công ty Cổ phần Zenlube Việt Nam	-	-	1.677.960.912	-
- Công ty TNHH MTV 756	3.427.883.818	-	-	-
- Công ty TNHH A Sung Vina	1.187.892.821	-	-	-
- Công ty Cổ phần Zenlube Việt Nam	922.597.781	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.007.494.547	(24.000.000)	421.339.017	(24.000.000)
	7.618.107.710	(377.896.681)	12.446.958.622	(377.896.681)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	4.181.762.452	(1.275.706.732)	3.392.285.202	-
Ký cược, ký quỹ	2.353.419.745	-	531.350.284	-
Phải thu các đội thi công khối lượng vượt dự toán	11.267.996.453	-	-	-
Phải thu khác	4.539.797.963	(3.472.800.217)	4.384.718.442	(3.472.800.217)
	22.342.976.613	(4.748.506.949)	8.308.353.928	(3.472.800.217)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bà Nguyễn Thu Thảo	2.809.796.465	(2.809.796.465)	2.809.796.465	(2.809.796.465)
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vũng Tàu	42.290.322	-	507.624.012	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.527.366.834	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	767.562.589	-	-	-
Tổ đội thi công	11.267.996.453	-	-	-
Các đối tượng khác	5.927.963.950	(1.938.710.484)	4.990.933.451	(663.003.752)
	22.342.976.613	(4.748.506.949)	8.308.353.928	(3.472.800.217)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	936.010.924	-	1.647.696.496	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vũng Tàu	931.010.924	-	1.642.696.496	-
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Vũng Tàu	5.000.000	-	5.000.000	-
	936.010.924	-	1.647.696.496	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	6.862.549.362	84.074.600	6.957.548.481	129.677.219
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông (Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP Nhà máy lọc dầu Dung Quất)	3.658.243.771	-	3.658.243.771	-
- Phí vận hành chung cư	766.677.002	-	766.677.002	-
- Công ty TNHH Xây lắp Nhật Minh	617.267.228	-	617.267.228	-
- Các khoản khác	1.820.361.361	84.074.600	1.915.360.480	129.677.219
<i>Trả trước cho người bán</i>	377.896.681	-	377.896.681	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	-	353.896.681	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vận tải Container T-H	24.000.000	-	24.000.000	-
<i>Phải thu khác</i>	5.099.312.477	350.805.528	3.472.800.217	-
- Nguyễn Thị Thu Thảo	2.809.796.465	-	2.809.796.465	-
- Huỳnh Kim Quy	530.837.752	-	530.837.752	-
- Các khoản khác	1.758.678.260	350.805.528	132.166.000	-
	12.339.758.520	434.880.128	10.808.245.379	129.677.219

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	585.085.345	-	395.083.493	(160.632.662)
Công cụ, dụng cụ	3.154.059.945	-	3.523.951.449	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	183.742.655.824	(90.060.254.121)	261.832.468.400	(116.471.675.718)
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	116.525.666.831	(68.949.360.928)	120.050.070.975	(68.728.998.900)
- Chế tạo Chân đế điện gió - Dự án Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204	-	-	45.966.722.054	-
- Dự án Phát triển Mô Đại Hùng	10.369.868.840	-	42.408.954.535	(24.499.980.892)
- Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I	29.722.014.675	(8.912.177.007)	29.708.111.695	(8.912.177.007)
- Các dự án xây lắp khác	27.121.038.443	(12.198.716.186)	21.379.740.271	(14.330.518.919)
- Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang	4.067.035	-	2.318.868.870	-
	187.481.801.114	(90.060.254.121)	265.751.503.342	(116.632.308.380)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	3.260.723.002	1.593.639.558
- Dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại Giai đoạn II - Phân kỳ 3 ^(*)	1.593.639.558	1.593.639.558
- Lắp đặt, cải tạo nhà container FVS 2 tầng	1.667.083.444	-
	3.260.723.002	1.593.639.558

^(*) Theo Quyết định số 228/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 31/10/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí với nội dung cụ thể sau:

- Tên dự án: Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí Giai đoạn II - Phân kỳ 3;
- Địa điểm xây dựng: Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Mục đích xây dựng: Hỗ trợ cho các dự án đóng mới giàn khoan tự nâng 60m nước của PV Shipyard - một dự án trọng điểm quốc gia; Chế tạo các kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tín dụng chiếm 70% và vốn tự tài trợ chiếm 30%;
- Quy mô của dự án: Nâng công suất bãi cảng đạt 10.000 tấn kết cấu kim loại và 1.000 tấn thiết bị cơ khí/năm, trong đó:
 - + Mở rộng bến hạ thủy từ 142m đến 246m;
 - + Nạo vét khu vực trước bến đảm bảo độ sâu cho tàu 5.000 DWT tấn ra vào cảng;
 - + Phát triển đồng bộ các hạng mục phụ trợ như cấp điện, chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy và thoát nước;
 - + Bảo hiệu khu nước: nhằm đảm bảo an toàn giao thông và hướng dẫn phương tiện thủy;
 - + Công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác chế tạo và lắp dựng các kết cấu phụ trợ của giàn khoan tự nâng 60m nước, các kết cấu chân đế và kết cấu kim loại khác;
- Tổng mức đầu tư cho giai đoạn II - Phân kỳ 3: 262.395.106.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: đã tạm dừng triển khai;
- Tại thời điểm 31/12/2024, dự án đã ngừng hoạt động do không đủ kinh phí thực hiện. Chi phí 1.593.639.558 VND là chi phí thiết kế, Công ty sẽ tiếp tục khôi phục và hoàn thiện năng lực của Bãi cảng khi có đủ kinh phí.

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	686.486.743.248		221.145.137.666		35.180.455.074		10.794.673.985		953.607.009.973
- Mua trong năm	-		-		-		154.980.000		154.980.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.422.148.217		-		-		-		6.422.148.217
- Phân loại lại do chuyển mục đích sử dụng	(591.844.837)		-		-		-		(591.844.837)
- Thanh lý, nhượng bán	(125.833.500)		(17.525.569.339)		(927.851.818)		-		(18.579.254.657)
- Tháo dỡ tài sản (*)	(15.074.640.006)		-		-		-		(15.074.640.006)
Số dư cuối năm	677.116.573.122		203.619.568.327		34.252.603.256		10.949.653.985		925.938.398.690
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	305.414.282.326		197.918.760.943		35.180.455.074		10.758.491.975		549.271.990.318
- Khấu hao trong năm	15.964.591.912		8.403.752.751		-		29.064.047		24.397.408.710
- Phân loại lại do chuyển mục đích sử dụng	(228.110.451)		-		-		-		(228.110.451)
- Thanh lý, nhượng bán	(125.833.500)		(17.525.569.339)		(927.851.818)		-		(18.579.254.657)
- Tháo dỡ tài sản (*)	(15.002.237.429)		-		-		-		(15.002.237.429)
Số dư cuối năm	306.022.692.858		188.796.944.355		34.252.603.256		10.787.556.022		539.859.796.491
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	381.072.460.922		23.226.376.723		-		36.182.010		404.335.019.655
Tại ngày cuối năm	371.093.880.264		14.822.623.972		-		162.097.963		386.078.602.199

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 55.296.427.798 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 205.071.597.533 VND

(*) Theo Nghị quyết số 07/NQ-KCKL-HĐQT ngày 15/01/2024 về việc chấp thuận chủ trương ký kết Hợp đồng hợp tác, khai thác phần diện tích chưa đưa được khai thác và sử dụng hiệu quả tại Bãi cảng PVS-MS, Công ty đã thực hiện tháo dỡ, di dời các tài sản tại bãi cảng Sao Mai Bến Đình để thực hiện hợp tác đầu tư tại bãi cảng. Một số tài sản đã được Công ty tận dụng, lắp đặt lại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.166.470.000	14.779.354.162	29.945.824.162
Số dư cuối năm	15.166.470.000	14.779.354.162	29.945.824.162
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.074.334.707	13.430.004.037	19.504.338.744
- Khấu hao trong năm	413.668.608	463.306.668	876.975.276
Số dư cuối năm	6.488.003.315	13.893.310.705	20.381.314.020
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.092.135.293	1.349.350.125	10.441.485.418
Tại ngày cuối năm	8.678.466.685	886.043.457	9.564.510.142

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.389.434.162 VND.

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2011.

Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà văn phòng VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	17.530.390.046	17.530.390.046
- Phân loại lại do chuyển mục đích sử dụng	591.844.837	591.844.837
Số dư cuối năm	18.122.234.883	18.122.234.883
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.194.489.219	6.194.489.219
- Khấu hao trong năm	301.120.384	301.120.384
- Phân loại lại do chuyển mục đích sử dụng	228.110.451	228.110.451
Số dư cuối năm	6.723.720.054	6.723.720.054
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	11.335.900.827	11.335.900.827
Tại ngày cuối năm	11.398.514.829	11.398.514.829

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.398.514.829 VND.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 3.672.045.106 VND (Năm 2023 2.885.265.760 VND).
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 24.
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	70.387.807	73.347.417
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.374.573.783	435.423.755
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	885.722.447	381.006.388
	2.330.684.037	889.777.560
b) Dài hạn		
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*)	77.108.006.166	80.035.871.604
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.017.156.288	11.777.390.678
Chi phí sửa chữa lớn	3.440.586.946	6.365.849.904
Chi phí tháo dỡ, di dời và giải phóng mặt bằng bãi cảng	1.623.825.066	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.758.970.805	2.696.417.138
	91.948.545.271	100.875.529.324

(*) Theo Hợp đồng số 15/PVSB-PVC.MS/08-10B ngày 09 tháng 08 năm 2010 về việc cho thuê cơ sở hạ tầng giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ngày 29/03/2011:

- Tên cơ sở cho thuê hạ tầng: Bãi cảng Sao Mai Bến Đình;
- Tổng mức đầu tư:
 - + Tổng chi phí đầu tư chưa bao gồm VAT: 97.396.039.249 VND;
 - + Giá thuê mặt bằng bãi chưa bao gồm VAT: 107.135.643.174 VND;
 - (được xác định bằng 1,1 lần Tổng chi phí đầu tư)
 - + Giá thuê mặt bằng bãi đã bao gồm VAT: 117.849.207.491 VND.

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)
- Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô
- Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam
- Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu
- Trường Cao đẳng Dầu khí
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	43.743.863.359	45.633.490.250
	16.719.706.279	15.086.614.220
	10.677.693.982	10.977.693.982
	4.756.639.584	4.756.639.584
	3.548.587.589	3.778.998.160
	-	3.321.721.899
	2.210.421.940	2.201.342.831
	1.623.094.684	1.623.094.684
	991.055.319	991.055.319
	900.073.363	900.073.363
	574.092.092	614.723.844
	397.877.829	397.877.829
	278.440.483	278.440.483
	135.220.650	135.220.650
	109.000.000	109.000.000
	293.057.176	181.635.909
	369.499.312	151.456.312
	91.636.560	48.000.000
	44.000.000	44.000.000
	9.513.192	21.647.856
	14.253.325	14.253.325

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu Khí
Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN (tiếp theo)

- Bên khác**
- Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam
 - S-Tank Engineering Co., Ltd
 - Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV
 - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam
 - Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DAE AH
 - Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn
 - Công ty Cổ phần Gia Quảng Phát
 - Công ty TNHH MTV OGS
 - Công ty Cổ phần Lilama 18
 - Phải trả các đối tượng khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	507.081.092.783	492.016.972.206
	95.708.461.469	111.729.842.747
	68.276.803.542	68.212.976.582
	60.978.955.914	60.978.955.914
	34.002.780.123	37.915.260.123
	25.053.411.382	25.053.411.382
	23.531.760.931	24.831.760.931
	15.080.122.665	17.478.400.161
	14.168.683.268	14.168.683.268
	6.043.285.095	11.374.965.095
	164.236.828.394	120.272.716.003
	550.824.956.142	537.650.462.456
	412.071.825.238	308.753.673.033

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có đủ cơ sở để đánh giá số có khả năng trả nợ do Công ty đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ nêu trên.

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	12.414.660.619	31.564.843.210
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	25.782.432.185
- Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	7.636.834.166	-
- Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	4.777.826.453	4.777.826.453
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (Alpha ECC)	-	594.584.572
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	-	410.000.000
Bên khác	10.000.000	60.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	10.000.000	60.000.000
	12.424.660.619	31.624.843.210

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		20.626.330.642		21.516.101.755		16.147.044.936		-		25.995.387.461	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		268.140.223		268.140.223		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.394.439.899		-		727.618.123		-		9.666.821.776		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		262.702.578		1.941.906.650		1.388.026.726		-		816.582.502	
Các loại thuế khác	-		-		147.200.176		142.967.201		-		4.232.975	
	10.394.439.899		20.889.033.220		24.600.966.927		17.946.179.086		9.666.821.776		26.816.202.938	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
- Trích trước chi phí dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	18.610.815.512		17.460.332.357	
- Trích trước chi phí dự án Long Sơn A2	3.197.746.727		14.600.052.515	
- Trích trước chi phí dự án Chế tạo Chân đế điện gió	-		12.668.901.119	
- Trích trước chi phí nạo vét cảng	-		8.200.910.000	
- Trích trước chi phí dự án Lô B Ô Môn	12.983.631.113		-	
- Trích trước chi phí dự án P15	15.191.918.356		-	
- Trích trước chi phí thi công hệ thống xử lý nước thải	8.940.442.206		-	
- Chi phí bản quyền nhãn hiệu PVN	1.125.779.168		1.125.779.168	
- Chi phí phải trả khác	4.270.177.198		7.642.038.308	
	64.320.510.280		61.698.013.467	



19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê nhà, văn phòng	3.247.713.529	108.553.728
	3.247.713.529	108.553.728
b) Dài hạn		
- Tiền lãi từ việc bán TSCĐ và thuê mua tài chính từ năm 2017	199.251.272	295.595.888
	199.251.272	295.595.888

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Kinh phí công đoàn	3.997.941.611	6.375.288.399
Bảo hiểm xã hội	3.241.911.081	2.163.619.632
Bảo hiểm y tế	400.109.578	190.008.308
Bảo hiểm thất nghiệp	339.434.321	272.960.062
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	163.000.000	150.438.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.203.277	36.203.277
Phải trả lãi vay	233.831.782	2.119.699.037
Các quỹ ủng hộ	2.541.765.999	2.579.465.999
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.583.754.303	4.615.492.549
	15.537.951.952	18.503.175.263
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Công đoàn Công ty	3.997.941.611	6.375.288.399
Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.981.454.980	2.626.588.002
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	-	1.972.597.668
Các quỹ ủng hộ	2.541.765.999	2.579.465.999
Ban quản trị Chung cư 02 Nguyễn Hữu Cánh	596.113.724	862.313.724
Các đối tượng khác	4.420.675.638	4.086.921.471
	15.537.951.952	18.503.175.263
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	643.580.218	660.919.000
	643.580.218	660.919.000

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng						
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	18.419.054.866	18.419.054.866	-	-
- Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	14.604.527.877	14.604.527.877	-	-
			3.814.526.989	3.814.526.989	-	-
Vay cá nhân						
- Bà Nguyễn Thị Thu Siêm	2.600.000.000	2.600.000.000	16.010.000.000	8.900.000.000	9.710.000.000	9.710.000.000
- Bà Phùng Thị Bình	1.000.000.000	1.000.000.000	2.650.000.000	3.650.000.000	-	-
- Ông Lê Ngọc Phước	600.000.000	600.000.000	1.200.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000
- Ông Võ Thanh Toàn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
- Ông Lê Đình Công	-	-	7.000.000.000	4.250.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
- Ông Hoàng Hữu Cường	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Vân	-	-	760.000.000	-	760.000.000	760.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ông Lê Minh Phong	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ông Nguyễn Hữu Đức	5.000.000.000	5.000.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
	7.600.000.000	7.600.000.000	34.429.054.866	29.819.054.866	12.210.000.000	12.210.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ông Nguyễn Hữu Đức	5.000.000.000	5.000.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
Bên liên quan					
Ông Lê Đình Công					
- Hợp đồng cho vay vốn số 02/2024-HĐVV/PVCMS-LĐC ngày 31/05/2024	11%	01 năm từ ngày 30/03/2024 đến ngày 30/03/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	400.000.000
Ông Lê Minh Phong					
- Hợp đồng cho vay vốn số 12/2024-HĐVV/PVCMS-LMP ngày 01/11/2024	12%	Đến ngày 01-02-2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	1.000.000.000
Bên khác					
Bà Phùng Thị Bình					
- Hợp đồng cho vay vốn số 01/2024-HĐVV/PVCMS-PTB ngày 08/03/2024	12%	12 tháng kể từ ngày 08/03/2024 đến ngày 08/03/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	200.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 06/2023-HĐVV/PVCMS-PTB ngày 01/12/2023 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 6/2023-HĐVV/PVCMS-PTB-PL01 ngày 01/01/2024	12%	Đến ngày 01/01/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	600.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 08/2024-HĐVV/PVCMS-PTB ngày 31/10/2024	12%	Đến ngày 31/01/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	1.000.000.000
Ông Võ Thanh Toàn					
- Hợp đồng cho vay vốn số 09/2024-HĐVV/PVCMS-VTT ngày 01/11/2024	12%	Đến ngày 01/02/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	450.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 14/2024-HĐVV/PVCMS-VTT ngày 16/12/2024	12%	Đến ngày 16/03/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	800.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 15/2024-HĐVV/PVCMS-VTT ngày 25/12/2024	12%	Đến ngày 25/03/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	1.500.000.000
					VND
					1.400.000.000



Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
					VND
Ông Hoàng Hữu Cường					
- Hợp đồng cho vay vốn số 06/2024-HĐVV/PVCMS-HHC ngày 30/10/2024	10%	Đến ngày 30/01/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	660.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 13/2024-HĐVV/PVCMS-HHC ngày 19/11/2024	10%	Đến ngày 19/02/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Vân					
- Hợp đồng cho vay vốn số 10/2024-HĐVV/PVCMS-NTKV ngày 01/11/2024	12%	Đến ngày 01/02/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim					
- Hợp đồng cho vay vốn số 11/2024-HĐVV/PVCMS-NTKT ngày 01/11/2024	12%	Đến ngày 01/02/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	2.000.000.000
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:					
Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
					VND
Ông Nguyễn Hữu Đức					
Hợp đồng cho vay vốn số 03/2019-HĐVV/PVCMS-NHD ngày 26/03/2019 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 03/2019-HĐVV/PVCMS-NHD-PL3 ngày 26/03/2024	11%	Đến ngày 26/03/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	2.500.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					
					2.500.000.000
					(2.500.000.000)
					-

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2024, khoản dự phòng phải trả dài hạn là khoản dự phòng bảo hành công trình xây lắp cho dự án Galaff 3. Theo điều khoản bảo hành đã ký kết, Công ty cam kết bảo hành cho dự án này đến tháng 06/2026.

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(427.907.435.025)	277.602.839.307
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(159.006.188.084)	(159.006.188.084)
Số dư cuối năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(586.913.623.109)	118.596.651.223
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(586.913.623.109)	118.596.651.223
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.946.931.344	9.946.931.344
Các khoản phạt, truy thu thuế năm 2020- 2021	-	-	-	-	(1.930.110.331)	(1.930.110.331)
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(578.896.802.096)	126.613.472.236

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ		Cuối năm		Tỷ lệ		Đầu năm	
	(%)	VND	(%)	VND	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	50,97	305.845.330.000	50,97	305.845.330.000	50,97	305.845.330.000	50,97	305.845.330.000
MEPCOM Offshore and Marine Pte. Ltd	10,00	60.000.000.000	10,00	60.000.000.000	10,00	60.000.000.000	10,00	60.000.000.000
Các cổ đông khác	39,03	234.154.650.000	39,03	234.154.650.000	39,03	234.154.650.000	39,03	234.154.650.000
Cổ phiếu quỹ	0,00	20.000	0,00	20.000	0,00	20.000	0,00	20.000
	100	600.000.000.000	100	600.000.000.000	100	600.000.000.000	100	600.000.000.000

c) Cổ phần

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
- Cổ phần phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại		
- Cổ phần phổ thông	2	2
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Cổ phần phổ thông	59.999.998	59.999.998
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

d) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	92.258.894.332	92.258.894.332
	<u>92.258.894.332</u>	<u>92.258.894.332</u>

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.801.593.321	2.383.007.142
Trên 1 năm đến 5 năm	2.433.886.844	4.842.652.782
Trên 5 năm	2.759.618.182	2.903.618.182

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	4.858,66	4.808,66

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	533.352.208.677	263.269.398.519
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.664.076.330	149.153.885.465
	<u>570.016.285.007</u>	<u>412.423.283.984</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<u>509.237.997.218</u>	<u>292.888.196.674</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	527.612.658.957	407.545.421.867
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.106.960.937	145.088.177.180
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.572.054.259)	(10.815.162.048)
	528.147.565.635	541.818.436.999
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	23.591.818.842	110.919.288.271
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>		

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	429.149.857	998.445.009
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.398.684	72.490.022
	447.548.541	1.070.935.031

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.199.435.611	1.180.888.738
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.584.281.770	19.013.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	106.143.505	994.242.931
	2.889.860.886	2.194.145.592

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.290.511	746.737.476
Chi phí nhân công	18.287.603.251	16.826.217.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.174.870.556	1.694.618.530
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	1.226.310.232	(146.278.421)
Thuế, phí, và lệ phí	4.000.000	14.700.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.000.273.176	3.529.762.829
Chi phí khác bằng tiền	5.487.386.247	7.294.337.233
	31.729.733.973	29.960.095.504
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan	683.735.262	1.003.932.587
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>		

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.630.728.865	504.814.815
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.970.524.900	2.616.500.000
Thu tiền bồi thường	-	225.982.849
Thu nhập công nợ không phải trả	4.041.004.122	-
Thu nhập khác	1.525.799.690	898.557.370
	9.168.057.577	4.245.855.034

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi nộp bảo hiểm	-	1.611.765.432
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	1.496.222.409	647.860.268
Các khoản bồi thường, án phí	3.338.329.654	-
Chi phí khác	1.355.629.101	513.958.338
	6.190.181.164	2.773.584.038
Trong đó: Chi cho các bên liên quan	1.200.000	242.292.341

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.674.549.467	(159.006.188.084)
Các khoản điều chỉnh	(98.409.519)	(96.102.361)
- Chi phí không hợp lệ	5.137.192.396	2.466.317.259
- Thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	389.033.000	378.000.000
- Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	182.443.729
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.226.310.232	-
- Thu nhập khác do khoản phải trả không xác định được chủ nợ đã tính thuế TNDN theo BBKT thuế niên độ 2020+2021	(4.041.004.122)	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(146.278.421)
- (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.411.421.597)	(10.894.963.910)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	(5.674.577)	(3.609.674)
- Lãi/lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	3.609.674	3.851.929
- Lãi từ doanh thu chưa thực hiện từ thuê mua tài chính (đã tính thuế năm 2017)	(96.344.616)	(96.344.616)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(13.123.750.143)	(167.116.771.788)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	727.618.123	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(10.394.439.899)	(10.394.439.899)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(9.666.821.776)	(10.394.439.899)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của Cơ quan thuế	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ tính thuế đã chuyển VND	Số lỗ tính thuế bị mất do hết thời hạn chuyển lỗ VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế VND
Năm 2019	Đã thanh tra	76.819.286.723	-	76.819.286.723	-
Năm 2021	Đã thanh tra	101.839.154.918	-	-	101.839.154.918
Năm 2022	Chưa thanh tra	52.556.844.969	-	-	52.556.844.969
Năm 2023	Chưa thanh tra	181.308.630.842	-	-	181.308.630.842
Năm 2024	Chưa thanh tra	13.123.750.143	-	-	13.123.750.143

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong báo cáo tài chính này liên quan đến các khoản lỗ tính thuế nêu trên.

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm VND	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng VND	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau VND
Năm 2022	Chưa thanh tra	3.498.379.746	-	3.498.379.746
Năm 2023	Chưa thanh tra	182.443.729	-	182.443.729

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.946.931.344	(159.006.188.084)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.946.931.344	(159.006.188.084)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.999.998	59.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	166	(2.650)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.107.838.965	149.913.254.373
Chi phí nhân công	120.280.596.611	130.288.884.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.575.504.370	26.541.092.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.115.427.747	122.614.317.897
Chi phí khác bằng tiền	12.280.173.598	15.058.371.499
	508.359.541.291	444.415.920.596

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.428.827.185	-	-	51.428.827.185
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.304.016.284	936.010.924	-	167.240.027.208
	217.732.843.469	936.010.924	-	218.668.854.393
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.121.791.390	-	-	40.121.791.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	77.734.068.975	1.647.696.496	-	79.381.765.471
	117.855.860.365	1.647.696.496	-	119.503.556.861

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	12.210.000.000	-	-	12.210.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	566.362.908.094	643.580.218	-	567.006.488.312
Chi phí phải trả	64.320.510.280	-	-	64.320.510.280
	642.893.418.374	643.580.218	-	643.536.998.592
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	7.600.000.000	-	-	7.600.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	556.153.637.719	660.919.000	-	556.814.556.719
Chi phí phải trả	61.698.013.467	-	-	61.698.013.467
	625.451.651.186	660.919.000	-	626.112.570.186

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	Công ty mẹ
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ của Công ty mẹ
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chi nhánh PVN
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcom Bank)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	Đơn vị trong Tổng Công ty CP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVDrilling) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Đơn vị trong Tổng Công ty CP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVDrilling) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Đơn vị trong Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Đơn vị trong Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Đơn vị trong Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.237.997.218	292.888.196.674
Liên doanh Việt Nga Vietsopetro	134.017.648.017	159.496.531.350
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	125.705.769.994	55.463.691.306
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	240.741.378.231	34.623.511.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	1.368.819.800	20.014.958.384
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	6.056.953.685	20.679.253.669
Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	-	1.771.439.032
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	416.560.833
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	73.648.000	334.602.408
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	93.526.000	74.839.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	86.010.000	12.809.492
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	422.511.720	-
Công ty CP Thương Mại Dầu Khí (Petechim)	74.211.188	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	524.583.273	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	72.937.310	-
Mua hàng hóa, vật tư	23.591.818.842	110.919.288.271
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	3.298.388.510	94.034.919.984
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	7.280.062.891	5.555.596.492
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	7.140.457.678	4.640.121.594
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	(2.079.450.492)	970.593.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	1.240.000.000	646.650.704
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	5.904.442.320	4.186.799.070
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	324.281.406	384.362.430
Liên doanh Việt Nga Vietsopetro	1.260.000	277.714.510
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	40.404.222	161.329.124
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	98.668.172	61.201.363
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	207.660.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	123.261.590	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	10.432.545	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	1.950.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	683.735.262	1.003.932.587
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	-	27.648.098
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	668.144.387	951.699.654
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	15.590.875	24.584.835
Chi phí khác	1.200.000	242.292.341
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	-	225.982.849
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	12.809.492
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	1.200.000	3.500.000


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt		3.427.493.000	3.043.077.333
Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT	123.200.000	120.000.000
Ông Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đinh Văn Hưng	Thành viên HĐQT	325.682.000	335.923.000
Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên HĐQT từ ngày 20/05/2024	200.746.000	-
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên HĐQT đến ngày 20/05/2024	116.732.000	280.642.000
Ông Lê Minh Hải	Thành viên HĐQT đến ngày 28/04/2023	-	40.000.000
Ông Phan Khắc Mẫn	Giám đốc	381.027.000	303.273.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	536.712.000	359.248.000
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	303.497.000	325.840.000
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc	353.589.000	364.800.333
Ông Lê Đình Công	Phó Giám đốc từ ngày 13/08/2024	160.568.000	-
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc đến ngày 01/08/2024	178.371.000	282.043.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban kiểm soát	278.813.000	238.554.000
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	199.523.000	174.754.000
Bà Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên BKS	29.033.000	18.000.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán.


Hoàng Anh
Người lập


Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán


Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu,
ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số: 48.../TTr-KCKL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 21. tháng 4. năm 2025.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi và bổ sung) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/05/2024;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí, cụ thể:

- Thông qua danh sách 03 (ba) Công ty Kiểm toán độc lập gồm có:
 1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
 2. Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt;
 3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Để Hội đồng quản trị Công ty làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn và bổ nhiệm một trong ba Công ty Kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính năm 2025 theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.



Vũ Minh Công

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 06 năm 2025.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án bầu thành viên Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ các văn bản đề cử/ ứng cử ứng viên để Đại hội đồng cổ đông bầu cử thành viên HĐQT, BKS của các cổ đông/ nhóm cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2025-2030, cụ thể như sau:

I. Thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT cần bầu : 01 thành viên

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT : 05 năm (2025-2030)

- Về ứng cử: PVC-MS không nhận được hồ sơ ứng cử nào của cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ Công ty.

- Về đề cử: PVC-MS nhận được 01 văn bản của cổ đông là tổ chức - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) – Văn bản số 70/XLDK-HĐQT ngày 13/6/2025 với số cổ phần hiện đang sở hữu là 30.584.533 cổ phần chiếm tỷ lệ 50,97% vốn điều lệ PVC-MS (văn bản đính kèm).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách nhân sự tiếp tục làm Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

1. Ông Đinh Văn Hưng

TV HĐQT

II. Thành viên Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS : 02 thành viên.

Nhiệm kỳ của thành viên BKS : 05 năm (2025-2030)

- Về ứng cử: PVC-MS không nhận được hồ sơ ứng cử nào của cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ Công ty.

- Về đề cử: PVC-MS nhận được 01 văn bản của cổ đông là tổ chức - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) – Văn bản số 70/XLDK-HĐQT



ngày 13/6/2025 với số cổ phần hiện đang sở hữu là 30.584.533 cổ phần chiếm tỷ lệ 50,97% vốn điều lệ PVC-MS (văn bản đính kèm).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách nhân sự Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

- | | |
|----------------------|-------------------|
| 1. Ông Hoàng Văn Hải | TV Ban kiểm soát |
| 2. Bà Vũ Thị Châm | TV Ban kiểm soát. |

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét, biểu quyết thông qua để Đại hội tiến hành công tác bầu cử.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, TCHC.



Vũ Minh Công



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CÓ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

Số: 70/XLDK-HĐQT

V/v: Nhân sự tham gia Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và
Lắp máy Dầu khí (PVC-MS);

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ/ĐU ngày 13/6/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy
và Nghị quyết số 69/NQ-XLDK ngày 13/6/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty
Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) về việc chấp thuận giới thiệu nhân
sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2025-2030.

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông báo tới Đại hội đồng cổ
đông/Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát PVC-MS về việc giới thiệu nhân sự tham gia
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2025-2030, cụ thể như sau:

1. Giới thiệu ông Đinh Văn Hưng, Người đại diện phần vốn của PetroCons, Thành
viên Hội đồng quản trị PVC-MS đề Đại hội đồng cổ đông bầu tiếp tục làm thành viên
Hội đồng quản trị PVC-MS.

2. Thôi giới thiệu bà Nguyễn Thị Thùy Trang làm Thành viên Ban Kiểm soát và
thôi giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2025-2030

3. Giới thiệu bà Vũ Thị Châm, Cử nhân Kế toán, cán bộ Ban Tài chính Kế toán -
Kiểm toán Tổng công ty đề Đại hội đồng cổ đông bầu làm Thành viên Ban kiểm soát
PVC-MS kiêm nhiệm.

4. Giới thiệu bà Nguyễn Thị Thu Anh, Cử nhân Kế toán, cán bộ Ban Tài chính Kế
toán - Kiểm toán Tổng công ty, Thành viên Ban kiểm soát PVC-MS đề Ban kiểm soát
PVC-MS bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVC-MS kiêm nhiệm.

5. Chấp thuận đề Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-MS biểu quyết
thông qua việc bầu ông Hoàng Văn Hải, Thành viên Ban kiểm soát PVC-MS tiếp tục làm
Thành viên Ban kiểm soát PVC-MS.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát PVC-MS thực
hiện thủ tục về nhân sự nêu trên theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật
hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTVDU, HĐQT, Ban KS, Ban TGD (e-copy);
- NDDPV của TCT tại PVC- MS (đề t/h);
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

nam

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Huy

TÓM TẮT LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
ỨNG CỬ VIÊN BẦU LÀM THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Tóm tắt trích ngang:

- Họ và tên: **ĐINH VĂN HƯNG**
- Sinh ngày: 01/7/1969
- Quê quán: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị,
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



2. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 1990 - 2004	Phó phòng Kế hoạch – Xí nghiệp lắp đặt điện hạ thế - Công ty điện lực 1
Từ 1990 – 2006	Trưởng phòng chuẩn bị xây dựng Ban quản lý dự án phát triển điện lực - Công ty điện lực 1
Từ 2006 – 2008	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CP Xây dựng Sông Hồng
Từ 2008 – 2009	Phó giám đốc Công ty CP Xây lắp Incomex
Từ 2009 – 2010	Phó giám đốc/ UVHĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)
Từ 2010 – 9/2011	Người đại diện phần vốn của PVC tại PVC-MS, Tổng giám đốc, UVHĐQT Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV-PIPE)
Từ 10/2011 – 03/2012	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt (PVC - Phú Đạt)
Từ 4/2012 – 5/2014	Giám đốc, UVHĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt (PVC - Phú Đạt)
Từ 6/2014 – 03/2015	UVHĐQT chuyên trách Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt (PVC - Phú Đạt)
Từ 03/2015 – 12/2017	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)
Từ 12/2017 – 5/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí – IDICO
Từ 6/2019 – 18/11/2019	Phó giám đốc Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam
Từ 18/11/2019 – 30/11/2023	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)
12/2023 – nay	TV HĐQT Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

3. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

4. Tổng số cổ phần nắm giữ tại PVC-MS:

- Đại diện phần vốn của Tổng công ty PVC tại PVC-MS: 10.000.000 cổ phần.
- Cá nhân sở hữu: 6.090 cổ phần.

**TÓM TẮT LÝ LỊCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
ỦNG CỬ VIÊN BẦU LÀM TV BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ 2025-2030**

1. Tóm tắt trích ngang:

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN HẢI**
- Sinh ngày: 20/9/1967
- Quê quán: Lạng Sơn
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



2. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ T2/1993 - T7/1996	Nhân viên kế toán - Phòng Kế toán – Đội 6 XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí
Từ T8/1996 - T9/1996	Nhân viên kế toán - Phòng Kế toán Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí
Từ T9/1996 - T8/2001	Kế toán trưởng XN Xây dựng và Dịch vụ Long Thành - Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí
Từ T9/2002 - T12/2002	Chuyên viên kế toán tổng hợp – Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí
Từ T1/2003 - T12/2004	Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Khí hóa lỏng Mêkông
Từ T1/2005 - T12/2006	Kế toán trưởng Xí nghiệp khảo sát Kiểm định và Dịch vụ công trình - Công ty CP Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)
Từ T1/2007 - T5/2011	Phó phụ trách Phòng Kinh tế Hợp đồng Xí nghiệp khảo sát Kiểm định và Dịch vụ công trình - Công ty CP Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)
Từ T6/2011 - T4/2012	Chuyên viên Phòng Kinh tế Đấu thầu – Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
Từ T5/2012 - nay	Kiểm soát viên chuyên trách – Ban kiểm soát – Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

3. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

4. Tổng số cổ phần đang nắm giữ tại PVC-MS:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Cá nhân sở hữu: 8.000 cổ phần.

TÓM TẮT LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
ỨNG CỬ VIÊN BẦU LÀM TV BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Tóm tắt trích ngang:

- Họ và tên: **VŨ THỊ CHÂM**
- Sinh ngày: 20/08/1980
- Quê quán: Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

2. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
11/2003 - 4/2008	Kế toán Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Dầu khí
4/2008 – T5/2022	Chuyên viên Ban TCKT&KT – Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
T6/2022- Nay	Chuyên viên Ban TCKT&KT – Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Thành viên BKS Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)

- 3. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Chuyên viên Ban TCKT&KT – Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

4. Tổng số cổ phần nắm giữ tại PVC-MS:

- Đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-MS: Không.
- Cá nhân sở hữu: 8.000 cổ phần.

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PVC-MS

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí tiến hành bầu bổ sung Thành viên HĐQT theo quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 616/2025-PXS/VSDC-ĐK do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam – VSDC chốt tại ngày 25/04/2025).

Điều 2. Số lượng Thành viên HĐQT cần bầu: 01 người; **Số lượng Thành viên BKS cần bầu:** 02 người.

Điều 3. Nguyên tắc bầu cử, bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu:

- Việc bầu cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; Hướng dẫn thủ tục bỏ phiếu và cách ghi phiếu bầu cử;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Điều 4. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu:

1. Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội sẽ được phát 01 phiếu bầu cử Thành viên HĐQT và 01 phiếu bầu cử Thành viên BKS. Phiếu **màu vàng**: bầu cử HĐQT; Phiếu **màu hồng**: bầu cử BKS.
- Phiếu bầu cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS được in sẵn tên các ứng viên theo thứ tự A, B, C... có mã số cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, số lượng cổ phần được ủy quyền đại diện, tổng số lượng cổ phần có quyền bầu cử và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

2. Cách ghi phiếu bầu:

- Cổ đông bầu cho ứng viên nào thì ghi số lượng phiếu bầu cho người đó;
- Không bầu cho ứng viên nào thì để trống tại ô số phiếu bầu;



- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu ghi trên phiếu;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu hủy phiếu bầu đó và đổi phiếu bầu mới khác.

3. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty phát hành và không có dấu Công ty;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có số phiếu bầu cho các ứng viên vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu ghi trên phiếu hoặc không bầu cho bất kỳ ứng viên nào;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.

Điều 5. Cách thức bầu cử:

1) Thẻ lệ bầu cử:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Tổng số quyền bầu cử của cổ đông được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tổng số quyền bầu cử} = \text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện} \times \text{Số thành viên được bầu}$$

- Cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng viên; hoặc một số ứng viên với số lượng bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần quyền bầu còn lại cho bất kỳ ứng viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

- Thực chất việc bầu cử là phân phối toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó.

2) Hướng dẫn bầu cử:

- Tại Đại hội cổ đông lần này chỉ bầu bổ sung **thêm 01** Thành viên HĐQT trong số **03 ứng viên giả sử** được giới thiệu (hoặc có thể số ứng viên được giới thiệu nhiều hơn) thì mỗi cổ đông (hoặc đại diện cổ đông) chỉ được phân phối phiếu bầu **tối đa cho 01** ứng viên.

Ví dụ: Cổ đông A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền đại diện): 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông A là: (1.000 x 1) = 1.000 phiếu bầu. Cổ đông A có thể bầu dồn phiếu như sau:

- Trường hợp 1: Cổ đông A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 trong số các ứng viên (trường hợp bên dưới là dồn hết cho ứng viên 1):

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	1.000
2.	Ứng viên 2	
3.	Ứng viên 3	

- Trường hợp 2: Cổ đông A chia tổng số phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên không bằng nhau:

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	500
2.	Ứng viên 2	300
3.	Ứng viên 3	200

- Trường hợp 3: Cổ đông A chỉ bỏ phiếu bầu của mình cho 02 ứng viên nhưng không đều nhau:

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	800
2.	Ứng viên 2	200
3.	Ứng viên 3	

- Trường hợp 4: Cổ đông A chỉ bầu một phần số phiếu bầu của mình (700 phiếu) trong tổng số có quyền bầu (1.000 phiếu) cho một hoặc một vài ứng viên, trường hợp bên dưới là bầu cho 02 ứng viên 2 và 3:

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	
2.	Ứng viên 2	400
3.	Ứng viên 3	300

** Việc bầu Thành viên Ban kiểm soát cũng được thực hiện tương tự như bầu Thành viên HĐQT.*

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty:

- Ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau, người có số phiếu cao nhất sẽ trúng cử, nếu vẫn bằng nhau thì tiếp tục bầu lại cho đến khi tìm được người có số phiếu cao nhất.
- Các vấn đề phát sinh (nếu có), Đoàn chủ tịch sẽ xin ý kiến Đại hội thảo luận và quyết định.

Điều 7. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản, nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu phát ra/ thu về, số phiếu hợp lệ/ không hợp lệ; số phiếu biểu quyết cho ứng viên Thành viên HĐQT, BKS;
- Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu cho Chủ tọa và Ban Thư ký, đồng thời công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Điều 8. Điều khoản thi hành:

- Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu tại Đại hội sẽ do Chủ tọa cuộc họp xin ý kiến Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

- Quy chế này gồm có 08 điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.



Vũ Minh Công

